

Tóm tắt Báo cáo Phát triển Con người 2011

Bền vững và công bằng:
Một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người

Một thách thức to lớn đối với nhân loại trong thế kỷ 21 là làm thế nào để bảo vệ quyền của các thế hệ hiện tại và tương lai được sống cuộc sống khỏe mạnh và đầy đủ. Báo cáo Phát triển Con người năm 2011 đưa ra những ý kiến đóng góp mới và quan trọng cho đối thoại toàn cầu về thách thức này, cho thấy tính bền vững có mối liên hệ chặt chẽ như thế nào với bình đẳng – cũng như với các vấn đề bình đẳng và công bằng xã hội, tăng cường tiếp cận với một chất lượng sống tốt hơn.

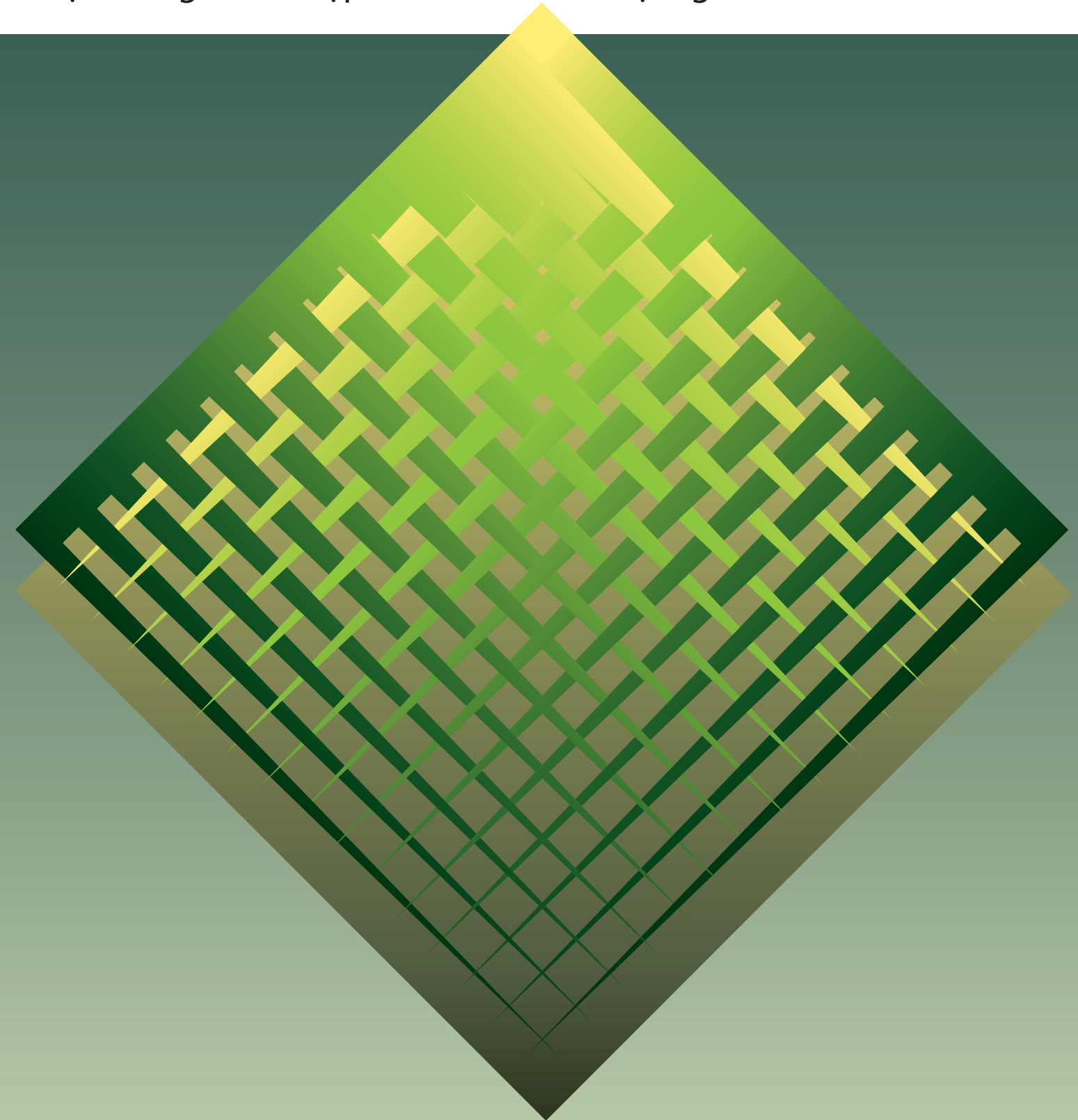
Các dự báo cho thấy việc tiếp tục thất bại trong việc giảm thiểu những nguy cơ nghiêm trọng đối với môi trường và tình trạng bất bình đẳng ngày càng sâu sắc sẽ đe dọa làm chậm lại hàng thập kỷ tiến bộ đã được duy trì bởi phần đông thế giới còn nghèo đói – và thậm chí sẽ đẩy lùi những thành tựu của cả thế giới trong phát triển con người. Những tiến bộ đáng kể mà chúng ta đã đạt được trong phát triển con người không thể tiếp tục được duy trì nếu không có những bước đi táo bạo trên phạm vi toàn cầu nhằm giảm thiểu những yếu tố nguy cơ đối với môi trường cũng như bất bình đẳng xã hội. Báo cáo này vạch ra hướng đi cho người dân, các địa phương, các quốc gia và cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy sự bền vững của môi trường và bình đẳng xã hội theo các cách đảm bảo lợi ích cho cả hai yếu tố nói trên.

Phân tích mới cho thấy sự mất cân đối về vị thế và bất bình đẳng giới ở cấp quốc gia có liên hệ như thế nào với sự giảm sút khả năng tiếp cận với nước sạch và điều kiện vệ sinh được cải thiện, sự xuống cấp của đất đai, bệnh tật và tử vong do ô nhiễm không khí, làm trầm trọng thêm những tác động liên quan đến bất bình đẳng thu nhập. Bất bình đẳng giới cũng có tác động đến môi trường, làm cho các vấn đề môi trường trở nên tồi tệ hơn. Ở cấp quốc tế, các cách thức quản lý, vận hành thường làm yếu đi tiếng nói của các quốc gia đang phát triển và gạt bỏ những nhóm người ở ngoài lề.

Tuy nhiên cũng có những biện pháp thay thế đối với vấn đề bất bình đẳng và không bền vững. Việc đầu tư nhằm tăng cường bình đẳng – ví dụ trong việc tiếp cận với các nguồn năng lượng tái tạo, nước và vệ sinh, và chăm sóc sức khỏe sinh sản – có thể có tác dụng thúc đẩy cả sự bền vững và phát triển con người. Trách nhiệm giải trình lớn hơn cùng các quy trình có tính dân chủ hơn cũng có thể giúp cải thiện kết quả. Các cách tiếp cận thành công được dựa trên việc quản lý cộng đồng, các thể chế rộng khắp dành cho mọi đối tượng, và sự quan tâm tới các nhóm đối tượng yếu thế. Vượt xa khỏi các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, thế giới còn cần có một khuôn khổ phát triển phản ánh được vấn đề bình đẳng và bền vững. Báo cáo này cho thấy triển vọng to lớn của các cách tiếp cận lồng ghép vấn đề bình đẳng vào các chính sách và chương trình, đồng thời nâng cao vị thế cho người dân nhằm đem lại sự thay đổi trong các lĩnh vực pháp lý và chính trị.

Nguồn kinh phí cần thiết cho phát triển nhiều khi lớn hơn nhiều so với mức viện trợ phát triển chính thức hiện tại. Ví dụ, mức tiêu dùng cho các nguồn năng lượng ít cacbon hiện nay vẫn ít hơn 2% so với ngay cả mức nhu cầu thấp nhất được ước tính. Các dòng chảy kinh phí cần được hướng tới giải quyết những thách thức quan trọng liên quan đến vấn đề không bền vững và bất bình đẳng. Mặc dù các cơ chế thị trường và nguồn kinh phí do khu vực tư nhân cung cấp sẽ đóng vai trò thiết yếu nhưng những yếu tố này cũng cần được hỗ trợ và thúc đẩy bởi sự đầu tư có tính chủ động của khu vực Nhà nước. Để gỡ bỏ bất cập trong vấn đề kinh phí cần có một tư duy đổi mới mà Báo cáo này có đề cập đến.

Báo cáo cũng vận động cải cách nhằm thúc đẩy bình đẳng và tiếng nói của người dân. Chúng ta có chung trách nhiệm đối với những nhóm người yếu thế nhất trong xã hội ngày hôm nay và cả trong tương lai – để đảm bảo rằng hiện tại không phải là kẻ thù của tương lai. Báo cáo này có thể giúp chúng ta nhìn thấy con đường tiến về phía trước.



Bản quyền © 2011

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

1 UN Plaza, New York, NY 10017, USA

Nhóm biên soạn Báo cáo Phát triển Con người 2011

Văn phòng Báo cáo Phát triển Con người của UNDP

Báo cáo Phát triển Con người là sản phẩm của nỗ lực chung dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Văn phòng, trên cơ sở phối hợp giữa các cán bộ làm công tác nghiên cứu, số liệu, truyền thông và xuất bản, và một nhóm hỗ trợ xây dựng các Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia. Các đồng nghiệp làm công tác điều hành và quản lý hành chính giúp thúc đẩy công việc của Văn phòng.

Giám đốc và tác giả chính

Jeni Klugman

Nghiên cứu

Francisco Rodríguez (Trưởng Nhóm), Shital Beejadhur, Subhra Bhattacharjee, Monalisa Chatterjee, Hyung-Jin Choi, Alan Fuchs, Mamaye Gebretsadik, Zachary Gidwitz, Martin Philipp Heger, Vera Kehayova, José Pineda, Emma Samman và Sarah Twigg

Số liệu

Milorad Kovacevic (Trưởng Nhóm), Astra Bonini, Amie Gaye, Clara Garcia Aguña và Shreyasi Jha

Các Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia

Eva Jespersen (Phó Giám đốc), Mary Ann Mwangi, Paola Pagliani và Tim Scott

Truyền thông và Xuất bản

William Orme (Trưởng Nhóm), Botagoz Abdreyeva, Carlotta Aiello, Wynne Boelt và Jean-Yves Hamel

Điều hành và Quản lý Hành chính

Sarantuya Mend (Quản lý), Diane Bouopda và Fe Juarez-Shanahan

Báo cáo Phát triển Con người Toàn cầu, Khu vực và Quốc gia

Báo cáo Phát triển Con người: Báo cáo Phát triển Con người toàn cầu được UNDP phát hành thường niên kể từ năm 1990, là các tài liệu phân tích độc lập về mặt tri thức và căn cứ vào kinh nghiệm về các vấn đề, xu hướng, tiến bộ và chính sách phát triển. Các thông tin liên quan đến Báo cáo năm 2011 và các Báo cáo Phát triển Con người những năm trước đây có thể được truy cập miễn phí tại trang web hdr.undp.org, bao gồm nguyên văn báo cáo và các bản tóm tắt bằng các ngôn ngữ chính của LHQ, tóm tắt các ý kiến đóng góp và thảo luận, loạt Tài liệu Nghiên cứu Phát triển Con người và các bản tin về Báo cáo Phát triển Con người cũng như các tài liệu thông tin công khai khác. Ngoài ra còn có các chỉ số thống kê, các công cụ số liệu khác, bản đồ tương tác, thông tin về từng quốc gia và các thông tin thêm liên quan đến Báo cáo Phát triển Con người.

Báo cáo Phát triển Con người của khu vực: Hơn 40 Báo cáo Phát triển Con người của từng khu vực, do các khu vực tự biên soạn, đã ra đời trong vòng 2 thập kỷ qua với sự hỗ trợ của các văn phòng khu vực của UNDP. Với những phản tích thường có tính gợi mở và các nội dung vận động chính sách, các báo cáo này đã xem xét các vấn đề trọng yếu như tự do của công dân và nâng cao vị thế phụ nữ ở các quốc gia A rập, tham nhũng ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương, đối xử với người Roma và các dân tộc thiểu số khác ở Trung Âu và sự phân bố của cải không đồng đều ở Châu Mỹ La tinh và vùng Ca-ri-bê.

Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia: Kể từ khi Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia lần đầu tiên ra đời vào năm 1992, các Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia đã được xây dựng ở 140 quốc gia trên thế giới bởi các ban soạn thảo trong nước, với sự hỗ trợ của UNDP. Các báo cáo này – bao gồm hơn 650 báo cáo đã được phát hành cho đến nay – đưa cách nhìn nhận phát triển con người vào các vấn đề quan tâm trong chính sách của quốc gia thông qua các cuộc thảo luận đóng góp ý kiến và nghiên cứu được thực hiện trong nước. Các Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia thường tập trung vào các vấn đề giới, dân tộc hay khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, nhằm giúp xác định những bất bình đẳng, đo lường sự tiến bộ và phát hiện sớm những dấu hiệu đe dọa ban đầu của mâu thuẫn có thể xảy ra. Bởi vì những báo cáo này được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu và cách nhìn nhận của quốc gia nên nhiều báo cáo đã có những tác động to lớn đến các chính sách quốc gia, trong đó có các chiến lược thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và các vấn đề ưu tiên khác trong phát triển con người.

Để có thêm thông tin về các Báo cáo Phát triển Con người Quốc gia và Khu vực, bao gồm các tài liệu tập huấn và tài liệu tham khảo có liên quan, vui lòng truy cập hdr.undp.org/en/nhdr/.

Các Báo cáo Phát triển Con người 1990–2010

2010	Tài sản thực sự của các quốc gia: Con đường đi đến phát triển con người
2009	Vượt qua rào cản: Khả năng lưu động và phát triển con người
2007/2008	Đấu tranh chống biến đổi khí hậu: Đoàn kết toàn nhân loại trong một thế giới bị chia rẽ
2006	Hơn cả sự khan hiếm: Quyền lực, nghèo đói và khủng hoảng nước sạch toàn cầu
2005	Hợp tác quốc tế ở ngã ba đường: Viện trợ, thương mại và an ninh trong một thế giới không bình đẳng
2004	Tự do văn hóa trong thế giới đa dạng ngày nay
2003	Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ: một thỏa ước giữa các quốc gia nhằm chấm dứt đói nghèo
2002	Thực hiện sâu sắc vấn đề dân chủ trong một thế giới bị gián đoạn
2001	Phát huy hiệu quả của các công nghệ mới vì phát triển con người
2000	Nhân quyền và phát triển con người
1999	Toàn cầu hóa trên phương diện con người
1998	Tiêu dùng vì phát triển con người
1997	Phát triển con người nhằm xóa đói giảm nghèo
1996	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người
1995	Giới và phát triển con người
1994	Các khía cạnh mới của an sinh cho con người
1993	Sự tham gia của người dân
1992	Các khía cạnh toàn cầu của phát triển con người
1991	Đảm bảo tài chính cho phát triển con người
1990	Khái niệm và thước đo phát triển con người

Để có thêm thông tin, vui lòng truy cập:

http://hdr.undp.org

Tóm tắt
Báo cáo Phát triển Con người 2011

Bền vững và công bằng:
Một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người



Xuất bản cho
Chương trình
Phát triển Liên
Hợp Quốc
(UNDP)

Lời nói đầu

Tháng 6/2012, các nhà lãnh đạo thế giới sẽ tụ hội tại Rio de Janeiro để tìm kiếm một sự đồng thuận mới về các hành động trên phạm vi toàn cầu nhằm bảo vệ tương lai của hành tinh cũng như bảo vệ quyền của các thế hệ mai sau ở bất cứ đâu trên thế giới được sống cuộc sống khỏe mạnh và đầy đủ. Đây là một thách thức phát triển lớn trong thế kỷ 21.

Báo cáo Phát triển Con người năm 2011 đưa ra những ý kiến đóng góp mới và quan trọng cho đối thoại toàn cầu về thách thức này, cho thấy tính bền vững có mối liên hệ chặt chẽ như thế nào với vấn đề bình đẳng – bao gồm các khía cạnh bình đẳng và công bằng xã hội, và tăng cường tiếp cận với một chất lượng sống tốt hơn. Sự bền vững không phải là vấn đề duy nhất và thậm chí cũng không phải là vấn đề hàng đầu về môi trường, như Báo cáo này đã lập luận một cách thuyết phục. Sự bền vững về cơ bản có nghĩa là việc chúng ta lựa chọn sống cuộc sống của mình như thế nào, trên cơ sở nhận thức rằng mọi việc chúng ta làm đều có tác động tới 7 tỉ người đang sống trên trái đất ngày hôm nay, cũng như hàng tỉ người khác sẽ tiếp nối sự sống của chúng ta trên hành tinh này trong hàng trăm năm tới.

Hiểu được mối liên hệ giữa sự bền vững của môi trường và bình đẳng là yếu tố rất quan trọng nếu chúng ta muốn mở rộng các quyền tự do của con người trong hiện tại cũng như ở các thế hệ tương lai. Những tiến bộ đáng kể đạt được trong phát triển con người trong những thập kỷ vừa qua, như đã được trình bày trong các *Báo cáo Phát triển Con người* toàn cầu, không thể được duy trì nếu không có những bước đi táo bạo trên phạm vi toàn thế giới nhằm giảm các nguy cơ đối với môi trường và vấn đề bất bình đẳng. Báo cáo này vạch ra hướng đi cho người dân, các địa phương, các quốc gia và cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy sự bền vững của môi trường và bình đẳng xã hội theo các cách đảm bảo lợi ích cho cả hai yếu tố nói trên.

Tại 176 quốc gia và vùng lãnh thổ nơi Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc hoạt động hàng ngày, nhiều nhóm người yếu thế phải gánh chịu gánh nặng thiếu hụt kép. Họ dễ bị ảnh hưởng hơn trước những tác động ngày càng lớn của sự xuống cấp môi trường, do phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng hơn và có ít công cụ đương đầu hơn. Đồng thời họ cũng phải đối mặt với các mối đe dọa đối với môi trường sống trực tiếp của mình do tình trạng ô nhiễm không khí trong nhà, nước bẩn và điều kiện vệ sinh không được cải thiện. Các dự báo cho thấy việc tiếp tục thất bại trong việc giảm thiểu những nguy cơ nghiêm trọng đối với môi trường và tình trạng bất bình đẳng ngày càng sâu sắc đe dọa làm chậm lại hàng thập kỷ tiến bộ đã được duy trì bởi phần đông thế giới còn nghèo đói – và thậm chí sẽ đẩy lùi những thành tựu của cả thế giới trong phát triển con người.

Những sự cách biệt lớn về vị thế gây nên những mô hình quan hệ nói trên. Phân tích mới cho thấy sự mất cân đối về vị thế và bất bình đẳng giới ở cấp quốc gia có liên hệ như thế nào với sự giảm sút khả năng tiếp cận với nước sạch và điều kiện vệ sinh được cải thiện, sự xuống cấp của đất đai và tử vong do ô nhiễm không khí trong nhà và ngoài trời, làm trầm trọng thêm những tác động liên quan đến bất bình đẳng thu nhập. Bất bình đẳng giới cũng có tác động đến môi trường, làm cho các vấn đề môi trường trở nên tồi tệ hơn. Ở cấp quốc tế, các cách thức quản lý, vận hành thường làm yếu đi tiếng nói của các quốc gia đang phát triển và gạt bỏ những nhóm người ở ngoài lề.

Tuy nhiên cũng có những biện pháp thay thế đối với vấn đề bất bình đẳng và không bền vững. Tăng cường lấy động lực từ việc tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch không phải là yếu tố tiên quyết cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, xét ở các bình diện phát triển con người rộng lớn hơn. Việc đầu tư nhằm tăng cường bình đẳng – ví dụ trong việc tiếp cận với các nguồn năng lượng tái tạo, nước và vệ sinh, và chăm sóc sức khỏe sinh sản – có thể có tác dụng thúc đẩy cả sự bền vững và phát triển con người. Trách nhiệm giải trình lớn hơn cùng các quy trình có tính dân chủ hơn, một phần thông qua việc hỗ trợ khối xã hội dân sự và giới thông tin đại chúng để họ trở nên tích cực hơn, cũng có thể giúp cải thiện kết quả. Các cách tiếp cận thành công được dựa trên việc quản lý cộng đồng, các thể chế rộng khắp dành cho mọi đối tượng trong đó quan tâm đặc biệt tới các nhóm đối tượng yếu thế, và các cách tiếp cận xuyên suốt giúp phối hợp các nguồn ngân sách và cơ chế giữa các cơ quan của Chính phủ và các đối tác phát triển.

Vượt xa khỏi các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, thế giới còn cần có một khuôn khổ phát triển cho giai đoạn sau năm 2015, trong đó có phản ánh được vấn đề bình đẳng và bền vững; Hội nghị Rio+20 là một cơ hội có tính

then chốt để tiến tới đạt được sự hiểu biết chung về hướng đi cho tương lai. Báo cáo này cho thấy triển vọng to lớn của các cách tiếp cận lồng ghép vấn đề bình đẳng vào các chính sách và chương trình, đồng thời nâng cao vị thế cho người dân nhằm đem lại sự thay đổi trong các lĩnh vực pháp lý và chính trị. Những kinh nghiệm ngày càng nhiều của các quốc gia trên khắp thế giới đã cho thấy tiềm năng của các cách tiếp cận này trong việc tạo ra và nắm bắt các hệ thống chính sách đồng bộ tích cực.

Nguồn kinh phí cần thiết cho phát triển – trong đó có công tác bảo vệ môi trường và bảo trợ xã hội – sẽ phải lớn hơn nhiều lần so với mức viện trợ phát triển chính thức hiện tại. Ví dụ, mức tiêu dùng cho các nguồn năng lượng ít cacbon hiện nay thậm chí chỉ đáp ứng được 1,6% mức nhu cầu thấp nhất được ước tính, trong khi mức tiêu dùng cho công tác thích nghi và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu chỉ đáp ứng được khoảng 11% nhu cầu ước tính. Hy vọng của chúng ta được đặt lên nguồn tài chính mới cho công tác khí hậu. Mặc dù các cơ chế thị trường và nguồn kinh phí do khu vực tư nhân cung cấp sẽ đóng vai trò thiết yếu nhưng những yếu tố này cũng cần được hỗ trợ và thúc đẩy bởi sự đầu tư có tính chủ động của khu vực Nhà nước. Để gỡ bỏ bất cập trong vấn đề kinh phí cần có một tư duy đổi mới mà Báo cáo này có đề cập đến.

Không dừng lại ở việc tìm ra những nguồn kinh phí mới cho việc giải quyết các nguy cơ cấp thiết về môi trường một cách bình đẳng, Báo cáo còn vận động cải cách nhằm thúc đẩy bình đẳng và tiếng nói của người dân. Các dòng chảy kinh phí cần được hướng tới giải quyết những thách thức quan trọng liên quan đến vấn đề không bền vững và bất bình đẳng – và không làm trầm trọng thêm những cách biệt hiện có.

Đem lại các cơ hội và sự lựa chọn cho tất cả mọi người là một mục đích có tính trung tâm của phát triển con người. Chúng ta có chung trách nhiệm đối với những nhóm người yếu thế nhất trong xã hội ngày hôm nay và cả trong tương lai – cũng như có chung một thôi thúc về mặt đạo đức nhằm đảm bảo rằng hiện tại không phải là kẻ thù của tương lai. Báo cáo này có thể giúp chúng ta nhìn thấy con đường tiến về phía trước.



Helen Clark
Tổng Giám đốc
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

Những phân tích và khuyến nghị về mặt chính sách của Báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc hay của Ban Giám đốc Chương trình. Báo cáo này là một ấn phẩm độc lập do UNDP ủy nhiệm thực hiện. Quá trình nghiên cứu và viết báo cáo là nỗ lực chung của nhóm biên soạn Báo cáo Phát triển Con người và một số nhà cố vấn lỗi lạc, đứng đầu là Jeni Klugman, Giám đốc Văn phòng Báo cáo Phát triển Con người.

Mục lục

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

KHÁI QUÁT

CHƯƠNG 1

Tại sao lại là hai vấn đề bền vững và bình đẳng?

Có giới hạn nào đối với phát triển con người hay không?

Sự bền vững, bình đẳng và phát triển con người

Trọng tâm tìm hiểu của Báo cáo

CHƯƠNG 2

Các mô hình và xu hướng trong các chỉ số

phát triển con người, bình đẳng và môi trường

Tiến bộ và triển vọng

Những mối đe dọa đối với việc duy trì bền vững tiến bộ đạt được

Những thành công trong việc thúc đẩy phát triển con người

bền vững và bình đẳng

CHƯƠNG 3

Xác định các tác động- tìm hiểu các mối quan hệ

Một lăng kính có trọng tâm là vấn đề nghèo đói

Các mối đe dọa về môi trường đối với cuộc sống của con người

Các tác động không đồng đều của những hiện tượng thời tiết cực đoan

Hạ thấp vị thế và sự xuống cấp của môi trường

CHƯƠNG 4

Các hệ thống đồng bộ tích cực – các chiến lược đem lại lợi ích

cho cả ba yếu tố môi trường, bình đẳng và phát triển con người

Mở rộng quy mô nhằm giải quyết những sự thiếu hụt về môi trường

và xây dựng khả năng chống đỡ

Đẩy lùi sự xuống cấp môi trường

Giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu – các nguy cơ và thực tế

CHƯƠNG 5

Đương đầu với các thách thức về chính sách

Hoạt động kinh doanh như thông lệ không đảm bảo bình đẳng

cũng không có tính bền vững

Tư duy lại về mô hình phát triển của chúng ta – đòn bẩy cho sự thay đổi

Cấp kinh phí đầu tư và chương trình đổi mới

Những đổi mới ở cấp quốc tế

Chú thích

Tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Hướng dẫn người đọc

Cách tra cứu các quốc gia và thứ hạng về HDI năm 2011

Các bảng số liệu

- 1 Chỉ số Phát triển Con người và các hợp phần
- 2 Các xu hướng trong Chỉ số Phát triển Con người, 1980–2011
- 3 Chỉ số Phát triển Con người điều chỉnh theo vấn đề bất bình đẳng
- 4 Chỉ số Bất bình đẳng Giới và các chỉ số thành phần liên quan
- 5 Chỉ số Nghèo đa chiều
- 6 Sự bền vững môi trường
- 7 Các tác động của những mối đe dọa về môi trường đối với phát triển con người
- 8 Các cách nhìn nhận về cuộc sống và môi trường
- 9 Giáo dục và y tế
- 10 Dân số và kinh tế

Chú thích kỹ thuật

Các khu vực

Nguồn tham khảo số liệu

KHÁI QUÁT

Báo cáo năm nay tập trung vào một vấn đề thách thức, đó là đảm bảo tiến bộ có tính bền vững và bình đẳng. Nhìn qua cùng một lăng kính, chúng ta có thể thấy sự xuống cấp của môi trường làm trầm trọng thêm vấn đề bất bình đẳng như thế nào thông qua những tác động tiêu cực đến những nhóm người vốn đã yếu thế trong xã hội, cũng như sự bất bình đẳng trong phát triển con người làm trầm trọng thêm hiện tượng xuống cấp môi trường ra sao.

Phát triển con người, có nghĩa là mở rộng những sự lựa chọn cho con người, được dựa trên những nguồn tài nguyên thiên nhiên mà con người chia sẻ với nhau. Để có thể thúc đẩy được phát triển con người, cần giải quyết vấn đề tính bền vững – trên phạm vi địa phương, quốc gia và quốc tế – và điều này có thể được thực hiện và cần được thực hiện theo những cách thức đảm bảo được sự bình đẳng và nâng cao vị thế cho người dân.

Mục đích của chúng tôi qua Báo cáo này là đảm bảo rằng mong ước của người nghèo về một cuộc sống tốt đẹp hơn được cân nhắc đầy đủ trong quá trình tiến tới đạt được sự bền vững lớn hơn của môi trường. Đồng thời, chúng tôi chỉ ra những con đường cho phép người dân, các địa phương, các quốc gia và cộng đồng quốc tế thúc đẩy sự bền vững và bình đẳng, nhằm đảm bảo hai yếu tố này có tác động tích cực lẫn nhau.

Tại sao trọng tâm lại là sự bền vững và bình đẳng?

Cách tiếp cận phát triển con người là một cách tiếp cận phù hợp lâu nay vẫn được áp dụng để luận giải về thế giới và giải quyết những thách thức hiện có cũng như những thách thức trong tương lai. Báo cáo Phát triển Con người (BCPTCN) năm 2010 nhân kỷ niệm 20 năm ngày ra đời BCPTCN đầu tiên đã tôn vinh khái niệm phát triển con người, nhấn mạnh sự công bằng, việc nâng cao vị thế cho người dân và tính bền vững có thể giúp mở rộng sự lựa chọn cho con người như thế nào. Đồng thời Báo cáo này cũng nêu bật những thách thức cố hữu, và cho thấy những khía cạnh chủ chốt của phát triển con người nêu trên không phải lúc nào cũng hiện diện cùng lúc.

Lý giải việc xem xét cùng lúc hai yếu tố bền vững và bình đẳng

Báo cáo năm nay trình bày những tìm hiểu về tác động qua lại giữa sự bền vững của môi trường và bình đẳng – hai yếu tố có cùng mức độ quan trọng cơ bản đối với việc đảm bảo tính công bằng về mặt phân bổ. Chúng ta cần đề cao tính bền vững bởi vì các thế hệ tương lai cần có được những tiềm năng và cơ hội ít nhất là ngang bằng với chúng ta ngày hôm nay. Tương tự như vậy, tất cả những tiến trình không đảm bảo bình đẳng đều là bất hợp lý: cơ hội của con người được hưởng cuộc sống tốt đẹp hơn không thể bị bó buộc bởi những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của họ. Bất bình đẳng đặc biệt trở nên bất hợp lý khi các nhóm người cụ thể, dù là do giới tính, dân tộc hay sinh quán, bị đặt trong hoàn cảnh yếu thế một cách hệ thống.

Cách đây hơn một thập kỷ, Sudhir Anand và Amartya Sen đã bắt đầu đề cập đến việc nhìn nhận đồng thời hai yếu tố bền vững và công bằng. Họ cho rằng “Sẽ là một sự vi phạm thô bạo nguyên tắc phổ quát nếu chúng ta cứ mãi bị ám ảnh bởi sự công bằng giữa các thế hệ mà không đồng thời giải quyết vấn đề công bằng trong cùng một thế hệ”. Các đề tài tương tự cũng được nhắc đến trong Báo cáo của Ủy ban Brundtland năm 1987 và một loạt các tuyên bố quốc tế, từ Tuyên bố Stockholm năm 1972 cho đến Tuyên bố Johannesburg năm 2002. Tuy nhiên, ngày nay nhiều khi các tranh luận về tính bền vững lại bỏ qua yếu tố bình đẳng, coi đó là một vấn đề tách biệt, không liên quan. Cách nhìn như vậy là chưa đầy đủ và phản tác dụng.

Một số định nghĩa chính

Phát triển con người là việc mở rộng quyền tự do và năng lực của con người để sống cuộc sống mà họ coi trọng và có lý do để coi trọng. Phát triển con người nghĩa là mở rộng các sự lựa chọn. Quyền tự do và năng lực là những khái niệm có tính rộng mở hơn so với các nhu cầu cơ bản. Để có được một “cuộc sống tốt đẹp”, con người cần hướng tới nhiều mục đích khác nhau, trong đó có những mục đích có giá trị về bản chất cũng như những mục đích có giá trị như những phương tiện. Ví dụ, chúng ta có thể coi trọng đa dạng sinh học, hay vẻ đẹp của thiên nhiên, ngay cả khi điều đó không liên quan đến đóng góp của đa dạng sinh học hay của thiên nhiên đối với cuộc sống vật chất của chúng ta.

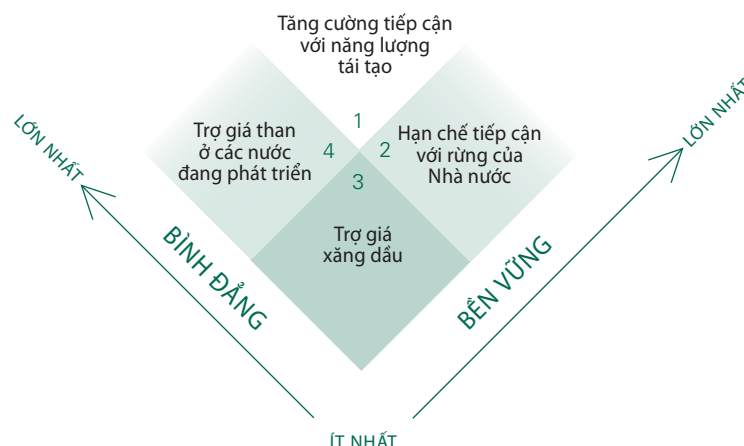
Phát triển con người một cách bền vững là việc mở rộng các quyền tự do hiện có của con người ngày hôm nay, đồng thời nỗ lực một cách hợp lý để tránh phải thỏa hiệp nghiêm trọng quyền tự do của các thế hệ tương lai

Các nhóm người yếu thế là đối tượng trọng tâm trong phát triển con người. Trong số này có những người trong tương lai sẽ phải gánh chịu những hậu quả nặng nề nhất từ những nguy cơ nảy sinh qua các hoạt động của chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta không chỉ quan ngại về những điều xảy ra ở mức độ trung bình hay những điều có nhiều khả năng xảy ra nhất, mà còn về những điều ít có khả năng nhưng vẫn có thể xảy ra, đặc biệt là khi những điều đó đem lại hậu quả thảm khốc cho những nhóm người dễ bị tác động.

Các tranh luận về ý nghĩa của sự bền vững môi trường thường tập trung vào vấn đề liệu nguồn vốn tư bản do con người tạo ra có thể thay thế cho các nguồn tài nguyên thiên nhiên hay không – liệu với tài năng của mình con người có thể nới lỏng sự hạn hẹp của tài nguyên thiên nhiên hay không, giống như chúng ta đã từng làm được trước đây. Chúng ta chưa thể biết được có thể làm được như vậy trong tương lai hay không, và trong khi phải đối diện với nguy cơ con người phải hứng chịu hậu quả nặng nề, cần đề cao quan điểm bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên cơ bản cùng những dịch vụ sinh thái có liên quan. Quan điểm này cũng phù hợp với các cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với phát triển. *Phát triển con người một cách bền vững là việc mở rộng các quyền tự do hiện có của con người ngày hôm nay, đồng thời nỗ lực một cách hợp lý để tránh phải thỏa hiệp nghiêm trọng quyền tự do của các thế hệ tương lai.* Một điều hết sức quan trọng là cần có sự bàn luận một cách hợp lý với công chúng – đây là yếu tố thiết yếu giúp xác định những nguy cơ mà xã hội có thể sẵn sàng chấp nhận (Hình 1).

HÌNH 1
Minh họa hệ thống đồng bộ các chính sách và những thỏa hiệp giữa bình đẳng và bền vững

Mô hình này khuyến khích chú ý đặc biệt đến việc xác định những hệ thống chính sách có tác động tích cực đồng thời cân nhắc những thỏa hiệp. Ở đây chúng tôi tìm hiểu các xã hội có thể thực hiện những giải pháp có lợi cho cả ba yếu tố bền vững, bình đẳng và phát triển con người như thế nào.



Việc theo đuổi cùng lúc sự bền vững của môi trường và bình đẳng không nhất thiết yêu cầu là cả hai yếu tố này luôn có tác động thúc đẩy tương hỗ lẫn nhau. Trong nhiều trường hợp sẽ phải có sự thỏa hiệp, hy sinh. Các biện pháp cải thiện môi trường có thể có tác động trái chiều đối với vấn đề bình đẳng – ví dụ trong trường hợp các biện pháp này làm kim hãm tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển. Báo cáo này minh họa những loại hình tác động đối với cả hai yếu tố bền vững và bình đẳng mà các chính sách có thể đem lại, đồng thời công nhận rằng những tác động đó không phải sẽ xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc và nhấn mạnh rằng bối cảnh là yếu tố hết sức quan trọng.

Mô hình này khuyến khích chú ý đặc biệt đến việc xác định những hệ thống chính sách có tác động tích cực đồng thời cân nhắc những thỏa hiệp. Ở đây chúng tôi tìm hiểu các xã hội có thể thực hiện những giải pháp có lợi cho cả ba yếu tố bền vững, bình đẳng và phát triển con người như thế nào.

Các mô hình và xu hướng, tiến bộ và triển vọng

Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy môi trường bị xuống cấp trên phạm vi rộng lớn khắp thế giới và có nguy cơ ngày một xấu đi. Do chưa thể biết được mức độ của những thay đổi trong tương lai, ở đây chúng tôi chỉ trình bày một số dự đoán và đưa ra những cân nhắc sâu về phát triển con người.

Điểm khởi đầu của chúng tôi, và cũng là một đề tài chủ đạo trong BCPTCN năm 2010, là những tiến bộ to lớn về phát triển con người trong vài thập kỷ vừa qua – với ba nhận định trái chiều:

- Tăng trưởng thu nhập song hành với sự đi xuống của những chỉ số môi trường chủ đạo như mức khí thải cacbon điôxit, chất lượng đất và nước, và độ bao phủ của rừng.
- Sự phân bố thu nhập đã trở nên tồi tệ hơn ở hầu khắp các quốc gia trên thế giới, ngay cả khi đã thu hẹp được hơn khoảng cách trong tiếp cận y tế và giáo dục.
- Mặc dù nhìn chung việc tạo thêm quyền lực cho người dân thường đem lại Chỉ số Phát triển Con người (HDI) cao hơn, nhưng mức độ tương quan giữa hai yếu tố này có nhiều dao động.

Những hoạt động mô phỏng phục vụ cho báo cáo này cho thấy ước tính đến năm 2050 chỉ số HDI sẽ thấp hơn 8% so với mức cơ bản nếu xảy ra “thách thức với môi trường” trong đó có các tác động tiêu cực của hiện tượng nóng lên của trái đất đối với sản xuất nông nghiệp, tiếp

cận với nước sạch và vệ sinh môi trường, và đối với vấn đề ô nhiễm (riêng đối với khu vực Nam Á và Châu Phi cận Sahara, chỉ số này sẽ thấp hơn 12%). Trong một viễn cảnh tiêu cực hơn, đó là “thảm họa môi trường”, khi xảy ra tàn phá rừng trên diện rộng và xuống cấp đất, sự sụt giảm đáng kể đa dạng sinh học và các hiện tượng thời tiết cực đoan tăng mạnh, chỉ số HDI toàn cầu sẽ thấp hơn 15% so với mức cơ bản đã được dự đoán.

Hình 2 thể hiện mức độ của những mất mát và nguy cơ mà thế hệ cháu con của chúng ta sẽ phải đối mặt nếu chúng ta không có hành động gì để ngăn chặn hay đẩy lùi những xu hướng hiện nay. Nếu để xảy ra thảm họa môi trường thì sẽ dẫn đến một điểm ngoặt trước năm 2050 ở các quốc gia đang phát triển – hướng đi tiến đến hội tụ với các nước giàu trong chỉ số HDI sẽ bắt đầu quay đầu ngược lại.

Các dự đoán này cho thấy trong nhiều trường hợp các nhóm người yếu thế nhất phải gánh chịu hậu quả và sẽ tiếp tục gánh chịu hậu quả của sự xuống cấp môi trường, ngay cả khi họ góp phần rất ít gây nên vấn đề đó. Ví dụ, các quốc gia có HDI thấp góp phần ít nhất gây nên biến đổi khí hậu toàn cầu, nhưng các nước này đã chịu thất thoát nhiều nhất về lượng mưa cũng như biến động lớn nhất về lượng mưa giữa các khu vực (hình 3), ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và đời sống.

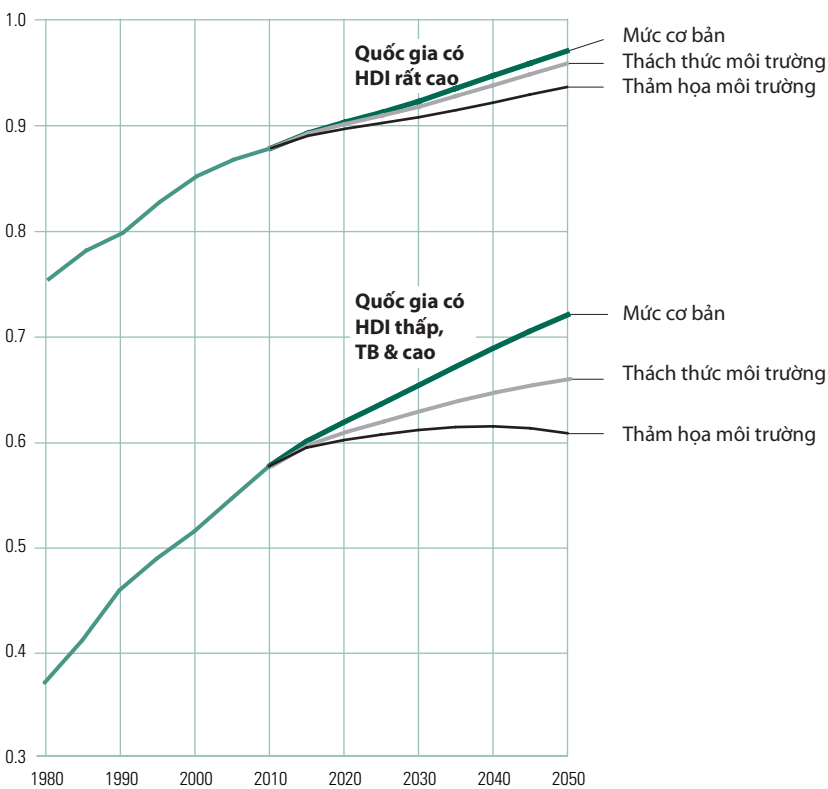
Lượng khí thải trên đầu người ở các quốc gia phát triển lớn hơn nhiều so với ở các quốc gia đang phát triển, do tập trung nhiều hơn các hoạt động tiêu thụ nhiều năng lượng – lái xe, điều hòa và sưởi ấm cho các hộ gia đình và cơ sở kinh doanh, tiêu thụ thực phẩm chế biến sẵn và thực phẩm đóng hộp. Trung bình một người sống ở một quốc gia có HDI ở mức rất cao thải ra môi trường lượng cacbon điôxit lớn gấp hơn 4 lần, lượng mê-tan và ôxit ni-tơ lớn gấp khoảng 2 lần so với một người sống ở quốc gia có HDI thấp, trung bình hoặc cao – và lượng cacbon điôxit cao gấp khoảng 30 lần so với một người sống ở quốc gia có HDI thấp. Trung bình trong vòng hai tháng một người dân ở Vương quốc Anh gây nên lượng khí thải hiệu ứng nhà kính bằng với lượng một người sống ở một quốc gia có HDI thấp gây nên trong vòng một năm. Và trung bình một người dân Qatar – quốc gia có lượng khí thải trên đầu người cao nhất thế giới – chỉ tốn 10 ngày để gây nên cùng lượng khí thải như vậy, mặc dù con số này thể hiện cả mức tiêu thụ cũng như mức sản xuất để được tiêu thụ ở những nơi khác.

Mặc dù ¾ lượng tăng khí thải kể từ năm 1970 là từ các quốc gia có HDI thấp, trung bình và cao, nhìn chung mức khí thải hiệu ứng nhà kính ở các nước có HDI rất cao vẫn lớn hơn nhiều. Kết luận này không tính đến việc chuyển các nhà máy sản xuất thải nhiều khí cacbon đến các quốc

HÌNH 2

Dự báo tác động của các nguy cơ về môi trường đối với phát triển con người đến năm 2050

HDI



Ghi chú: Đọc phần nội dung để có giải thích về các bối cảnh dự báo.

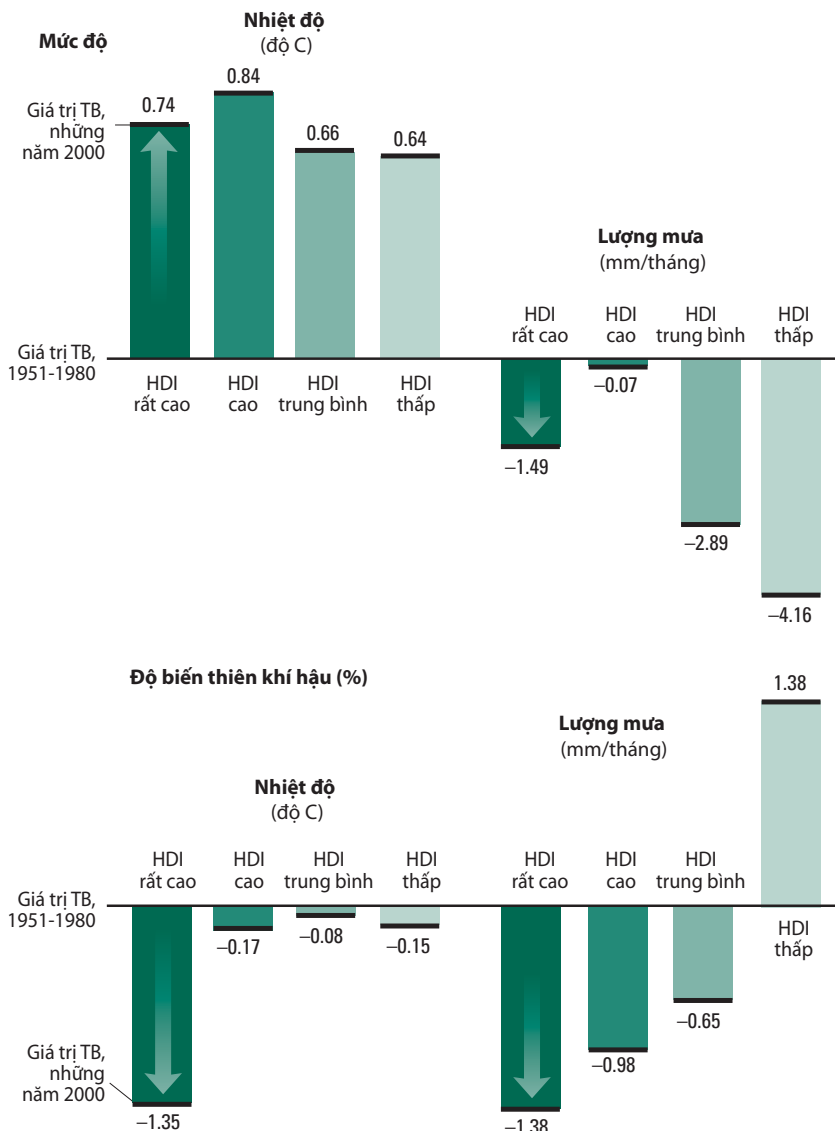
Nguồn: Tính toán của Văn phòng PTCN dựa trên các số liệu lấy từ cơ sở dữ liệu của VP PTCN và B. Hughes, M.Irfan, J.Moyer, D.Rothman, và J.Solórzano, 2011, “Dự báo tác động của các hạn chế về môi trường đối với phát triển con người”, Tài liệu Nghiên cứu Phát triển Con người, Chương trình Phát triển LHQ, New York, dựa trên các dự báo của tài liệu Tương lai của Thế giới, Ấn bản 6.42

gia nghèo hơn, mà phần lớn sản phẩm của các nhà máy này lại xuất khẩu sang các nước giàu.

Trên khắp thế giới, HDI tăng lên thường đi kèm với sự xuống cấp của môi trường – mặc dù có thể xác định nguyên nhân của phần lớn những thiệt hại về môi trường là do tăng trưởng kinh tế. Hãy đối chiếu ô thứ nhất và thứ ba ở Hình 4. Ô thứ nhất cho thấy nhìn chung các quốc gia có thu nhập cao hơn thường có lượng khí thải cacbon điôxit trên đầu người lớn hơn. Nhưng ô thứ ba cho thấy không có mối liên hệ nào giữa lượng khí thải và các hợp phần y tế và giáo dục của HDI. Kết quả này là một điều có thể nhận biết bằng trực giác: các hoạt động gây phát thải cacbon điôxit ra khí quyển là các hoạt động gắn với sản xuất hàng hóa, chứ không phải các hoạt động y tế và giáo dục. Các kết quả này cũng cho thấy tính chất không tịnh tiến của mối quan hệ giữa lượng phát thải cacbon điôxit và các hợp phần của HDI: khi HDI ở mức thấp thì không có mối liên hệ nào hoặc có rất ít, nhưng khi HDI tăng lên thì sẽ đạt đến một “điểm tăng tốc”, mà vượt quá điểm này

Nhiệt độ tăng và lượng mưa giảm

Mức độ và sự biến thiên khí hậu theo nhóm HDI



Ghi chú: Độ biến thiên khí hậu là chênh lệch giữa các hệ số biến thiên giữa giai đoạn 1951-1980 và những năm 2000, đối trọng với dân số trung bình giai đoạn 1951-1980

Nguồn: tính toán của Văn phòng PTCN dựa trên số liệu của Đại học Delaware

thì sẽ xuất hiện một mối quan hệ tỉ lệ thuận rõ ràng giữa lượng phát thải cacbon điôxit và thu nhập.

Ở những quốc gia cải thiện được HDI nhanh hơn, lượng phát thải cacbon điôxit cũng đã tăng nhanh hơn. Sự thay đổi theo thời gian này – chứ không phải là mối quan hệ nhất thời – nêu bật những điều chúng ta có thể dự đoán sẽ xảy ra trong tương lai do hệ quả của sự phát triển ngày hôm nay. Một lần nữa có thể khẳng định những thay đổi về thu nhập là yếu tố thúc đẩy xu hướng này.

Nhưng những mối quan hệ nói trên không phải lúc nào cũng đúng đối với mọi chỉ số môi trường. Ví dụ, qua

phân tích chúng tôi nhận thấy chỉ có một tỉ lệ thuận nhỏ giữa HDI và sự giảm sút diện tích rừng. Vậy tại sao lượng phát thải cacbon điôxit lại khác với các nguy cơ môi trường khác? Chúng tôi cho rằng khi giữa môi trường và chất lượng cuộc sống có mối liên hệ trực tiếp, như với vấn đề ô nhiễm, thì các quốc gia phát triển thường đạt được nhiều thành tựu về môi trường hơn; còn khi mối liên hệ này có tính khuếch tán hơn thì thành tựu về môi trường đạt được là ít hơn. Nhìn vào mối quan hệ giữa các nguy cơ môi trường với HDI, chúng tôi có ba nhận định chung như sau:

- Những sự thiếu hụt về môi trường ở cấp hộ gia đình – ô nhiễm không khí trong nhà, không được tiếp cận đầy đủ với nước sạch và điều kiện vệ sinh được cải thiện – là nghiêm trọng hơn khi HDI ở mức thấp và giảm dần khi HDI tăng lên.
- Những nguy cơ về môi trường có tác động trên phạm vi toàn cộng đồng – như ô nhiễm không khí đô thị – dường như tăng lên rồi lại giảm đi trong quá trình phát triển, một số người cho rằng có thể mô tả mối quan hệ này bằng một đường đồ thị hình chữ U ngược.
- Các nguy cơ môi trường có tác động toàn cầu – chính là khí thải hiệu ứng nhà kính – thường tăng lên khi HDI tăng lên.

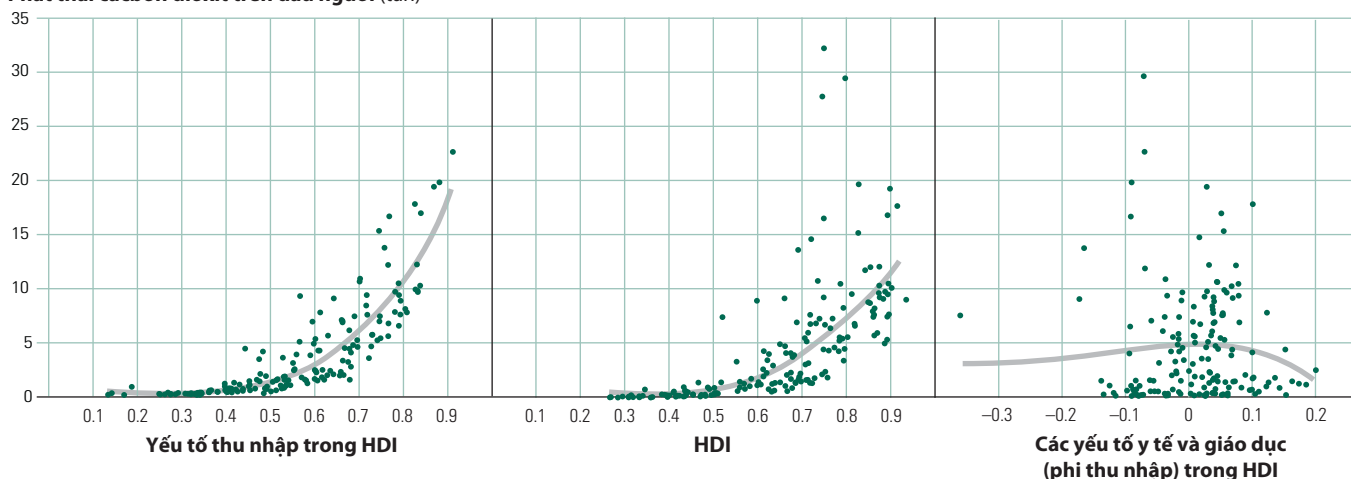
Bản thân HDI không phải là yếu tố thực sự thúc đẩy những xu hướng trên. Thu nhập và tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng giải thích cho lượng phát thải – nhưng mối liên hệ này cũng phải là mối liên hệ tiền định. Và những mối quan hệ tương tác phức tạp giữa các nhân tố lớn hơn làm thay đổi mẫu hình nguy cơ. Ví dụ, thương mại quốc tế cho phép các quốc gia đưa các hoạt động sản xuất hàng hóa gây xuống cấp môi trường ra nước ngoài; việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên quy mô lớn vì mục đích thương mại có các tác động khác so với việc khai thác cho sinh hoạt; và đặc điểm môi trường giữa khu vực thành thị và nông thôn cũng khác nhau. Và như chúng ta sau này sẽ thấy, các chính sách và bối cảnh chính trị có vai trò hết sức quan trọng.

Tuy nhiên cũng cần phải nói rằng nguy cơ trên không phải là không tránh khỏi. Một số quốc gia đã đạt được những tiến bộ lớn cả về HDI và bình đẳng cũng như sự bền vững của môi trường. Do trọng tâm của Báo cáo này là xác định những hệ thống đồng bộ chính sách có tác động tích cực, chúng tôi đề xuất thực hiện một chiến lược đa chiều nhằm tìm ra những quốc gia đã làm được tốt hơn so với những nước khác trong khu vực trong việc thúc đẩy bình đẳng, tăng HDI, giảm ô nhiễm không khí trong nhà và tăng cường tiếp cận với nước sạch, đồng thời là những quốc gia đứng đầu khu vực và thế giới về

HÌNH 4

Lượng phát thải cacbon điôxit có mối quan hệ tỉ lệ thuận rõ ràng với thu nhập, ít có liên hệ với HDI và không có liên hệ với y tế và giáo dục

Phát thải cacbon điôxit trên đầu người (tấn)



Ghi chú: Số liệu của năm 2007

Nguồn: tính toán của Văn phòng PTCN dựa trên các số liệu trong cơ sở dữ liệu của VP PTCN

bền vững môi trường (Bảng 1). Sự bền vững môi trường được đánh giá qua lượng khí thải hiệu ứng nhà kính, việc sử dụng nước và sự sụt giảm mức độ che phủ rừng. Các kết quả đưa ra có tính minh họa nhiều hơn là xác định rõ ràng do các số liệu còn chấp vá cũng như do các vấn đề liên quan đến so sánh đối chiếu khác. Chỉ có một quốc gia là Costa Rica vượt xa mức trung bình của khu vực xét trên tất cả các tiêu chí, trong khi 3 quốc gia dẫn đầu khác có sự chênh lệch giữa các khía cạnh, tiêu chí. Đáng chú ý là Thụy Điển – quốc gia có mức trồng cây gây rừng cao so với mức trung bình của khu vực và thế giới.

Danh sách này cho thấy ở mọi khu vực, mọi giai đoạn phát triển và với mọi đặc điểm cấu trúc bộ máy, các quốc gia có thể ban hành những chính sách có lợi cho cả sự bền vững môi trường, sự bình đẳng và các khía cạnh chủ đạo của phát triển con người được thể hiện trong chỉ số HDI. Chúng tôi xem xét các chính sách và chương trình đã có

thành công, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tình hình và bối cảnh từng nước.

Tuy nhiên, nói một cách khái quát hơn, các xu thế môi trường trong những thập kỷ gần đây cho thấy sự xuống cấp ở một số lĩnh vực, đem lại những tác động tiêu cực cho phát triển con người, đặc biệt là đối với hàng triệu người sống phụ thuộc trực tiếp vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên bởi đó là kế sinh nhai của họ.

- Trên khắp thế giới, gần 40% diện tích đất bị xuống cấp do hiện tượng xói mòn, bạc màu và do chăn thả gia súc quá mức. Năng suất đất đang giảm dần, dẫn đến thất thoát sản lượng thu hoạch lên đến 50% khi xảy ra hậu quả nặng nề nhất.
- Nông nghiệp chiếm 70-85% lượng nước sử dụng, và ước tính 20% hoạt động sản xuất lương thực trên toàn thế giới sử dụng nước một cách không bền vững, gây tác động rất tiêu cực cho tăng trưởng nông nghiệp trong tương lai.

BẢNG 1

Các quốc gia thực hiện tốt các vấn đề môi trường, bình đẳng và PTCN, có số liệu năm gần nhất

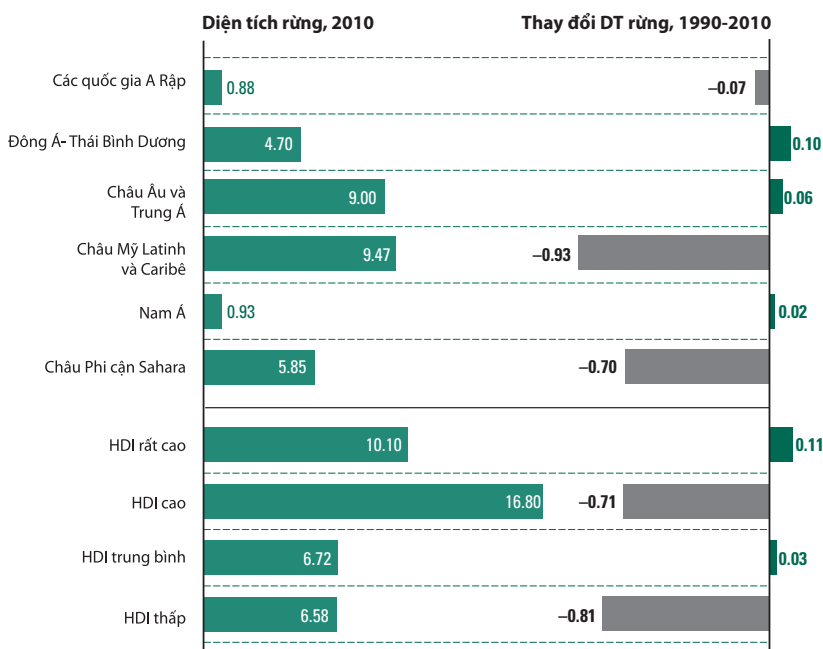
Quốc gia	Nguy cơ toàn cầu			Tác động trong nước		Bình đẳng và PTCN	
	Khí thải hiệu ứng nhà kính	Giảm diện tích rừng	Sử dụng nước	Tiếp cận nước	Ô nhiễm không khí	Tỉ lệ % so với TB khu vực	Tỉ lệ % so với TB khu vực
Costa Rica	✓	✓	✓	✓	✓	104	77
Germany		✓	✓	✓	✓	103	91
Philippines	✓	✓		✓	✓	103	89
Sweden		✓	✓	✓	✓	102	70

Ghi chú: Các quốc gia này đều đạt các tiêu chí thuộc ngưỡng tuyệt đối đối với các nguy cơ toàn cầu được xác định trong ghi chú 80, thực hiện tốt hơn mức trung bình của khu vực cả về phát triển con người và giải quyết các khía cạnh bất bình đẳng, đồng thời cũng thực hiện tốt hơn mức trung bình của khu vực về tác động trong nước.

HÌNH 5

Một số khu vực giảm diện tích rừng, số khác tái che phủ rừng & trồng rừng

Tỉ lệ che phủ rừng & thay đổi diện tích rừng theo khu vực, 1990-2010 (triệu km²)



Nguồn: tính toán của Văn phòng PTCN dựa trên số liệu của Ngân hàng Thế giới, 2011, Các chỉ số phát triển thế giới, Washington DC: Ngân hàng Thế giới

- Sự sụt giảm diện tích rừng là một thách thức lớn. Trong các năm 1990 – 2010, khu vực Châu Mỹ Latinh, vùng Caribê và khu vực Châu Phi cận Sahara là những nơi thất thoát diện tích rừng lớn nhất, tiếp theo là các quốc gia Ả Rập (Hình 5). Các khu vực khác có diện tích che phủ rừng tăng chút ít.
- Hiện tượng sa mạc hóa đe dọa những diện tích đất khô hạn là nơi cư ngụ của khoảng 1/3 dân số thế giới. Một số khu vực đặc biệt dễ chịu tác động của hiện tượng này – đáng lưu ý nhất là khu vực Châu Phi cận Sahara, nơi các diện tích đất khô hạn rất dễ bị sa mạc hóa và năng lực thích nghi của người dân còn kém.

Dự kiến các yếu tố môi trường tiêu cực sẽ làm tăng giá lương thực thế giới lên 30-50% trong các thập kỷ sắp tới và sẽ làm tăng sự biến động của giá cả, đem lại những hậu quả khắc nghiệt đối với các gia đình nghèo. Khoảng 1,3 tỉ người tham gia sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, săn bắn và hái lượm phải đối mặt với những nguy cơ lớn nhất. Gánh nặng xuống cấp môi trường và biến đổi khí hậu có nhiều khả năng san sẻ không đồng đều giữa các nhóm – do một số nguyên nhân như sau:

- Nhiều người nghèo ở nông thôn phụ thuộc quá nhiều vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên để

tìm kiếm thu nhập. Ngay cả những người bình thường không tham gia những hoạt động đó cũng có thể phải làm như vậy để đương đầu với những thời điểm khó khăn.

- Sự xuống cấp của môi trường sẽ tác động đến con người như thế nào thì còn phụ thuộc vào việc người đó là người sản xuất hay người tiêu thụ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, họ sản xuất để nuôi sống bản thân hay để bán ra thị trường, và liệu họ có sẵn sàng thay đổi các hoạt động của mình cũng như đa dạng hóa kế sinh nhai bằng các nghề khác hay không.
- Ngày nay, khoảng 350 triệu người, trong đó có nhiều người nghèo, sống ngay trong rừng hoặc gần rừng – nơi họ phải phụ thuộc để sinh sống và kiếm thu nhập. Việc sụt giảm diện tích rừng và hạn chế khả năng tiếp cận với các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể gây tác động tiêu cực đối với người nghèo. Thực tế ở nhiều quốc gia cho thấy phụ nữ thường phải dựa vào rừng nhiều hơn nam giới, do phụ nữ thường có ít sự lựa chọn nghề nghiệp hơn, ít có khả năng dịch chuyển hơn, và chịu hầu hết trách nhiệm trong việc kiếm củi làm nhiên liệu.
- Khoảng 45 triệu người – trong đó ít nhất 6 triệu người là phụ nữ - làm nghề đánh bắt cá và hiện bị đe dọa bởi việc đánh bắt quá mức và biến đổi khí hậu. Họ có khả năng phải chịu tác động kép: những quốc gia có nhiều nguy cơ nhất cũng là những quốc gia phụ thuộc nhiều nhất vào sản lượng đánh bắt cá cho nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày, cho người dân kiếm sống và cho xuất khẩu. Theo dự đoán, biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến sự sụt giảm lớn trữ lượng cá ở khu vực các đảo Thái Bình Dương, trong khi trữ lượng có thể tăng lên ở một số khu vực thuộc các vĩ tuyến phía bắc, bao gồm khu vực xung quanh Alaska, Greenland, Na Uy và Liên bang Nga.

Xét ở mức độ phụ nữ các nước nghèo tham gia rất nhiều vào hoạt động nông nghiệp tự cấp và kiếm nước, họ phải đối mặt với những hậu quả lớn hơn của sự xuống cấp môi trường. Nhiều người dân tộc bản địa cũng phải phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sống trong những hệ sinh thái đặc biệt dễ chịu tác động của biến đổi khí hậu, ví dụ như ở các đảo quốc nhỏ đang phát triển, các khu vực băng giá và ở vĩ tuyến cao. Thực tế cho thấy các thông lệ truyền thống cũng có thể giúp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tuy nhiên những kiến thức đó thường bị bỏ qua hoặc không được coi trọng.

Các tác động của biến đổi khí hậu lên kế sinh nhai của người nông dân phụ thuộc vào vụ sản xuất, khu vực và mùa, từ đó cho thấy tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chuyên sâu trong bối cảnh địa phương. Các tác động cũng sẽ thay đổi tùy thuộc vào mô hình sản xuất và tiêu thụ của hộ gia đình, khả năng tiếp cận với các nguồn lực, mức độ nghèo đói và khả năng đương đầu. Tuy nhiên, xét về tổng thể thì các tác động vật lý – sinh học của biến đổi khí hậu lên những cây trồng cần được tưới tiêu và cần nước mưa tính đến năm 2050 dự đoán sẽ rất tiêu cực.

Tìm hiểu các mối liên hệ

Dựa trên mối liên hệ quan trọng mật thiết giữa môi trường và bình đẳng ở cấp độ quốc tế, chúng tôi tìm hiểu mối liên hệ này ở cấp cộng đồng và hộ gia đình. Chúng tôi cũng nêu bật những quốc gia và nhóm đối tượng đã phá vỡ mô hình này, qua đó nhấn mạnh những bước chuyển đổi trong vai trò của các giới và trong việc nâng cao vị thế cho người dân.

Một đề tài chủ đạo: Những người yếu thế nhất trong xã hội phải chịu gánh nặng kép. Vừa dễ chịu tác động hơn trước sự xuống cấp môi trường, họ vừa phải đương đầu với những mối đe dọa đặt ra với môi trường sống trực tiếp của mình do ô nhiễm không khí trong nhà, nước bẩn và điều kiện vệ sinh không được cải thiện. Chỉ số Nghèo Đa chiều (MPI), được giới thiệu trong BCPTCN năm 2010 và được ước tính cho 109 quốc gia trong năm nay, đưa ra một cái nhìn thấu đáo hơn về những khía cạnh thiếu hụt này để xác định những nơi vấn đề trầm trọng nhất.

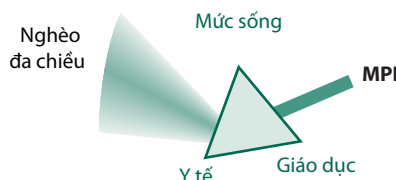
Chỉ số MPI đo lường những thiếu hụt nghiêm trọng ở các khía cạnh y tế, giáo dục và mức độ sống, xem xét cả số lượng người bị thiếu hụt và mức độ thiếu hụt của họ (Hình 6). Trong Báo cáo năm nay chúng tôi tìm hiểu sự tồn tại dai dẳng của những thiếu hụt về mặt môi trường ở những nhóm người nghèo đa chiều và những sự chồng chéo – một bước tiến mới trong chỉ số MPI.

Việc sử dụng lăng kính có trọng tâm là nghèo đói giúp chúng ta tìm hiểu những thiếu hụt xét ở khía cạnh môi trường trong khả năng tiếp cận – với nhiên liệu nấu nướng hiện đại, với nước sạch và vệ sinh cơ bản. Những sự thiếu hụt tuyệt đối này, bản thân vốn đã rất nghiêm trọng, là một sự vi phạm lớn quyền con người. Chấm dứt những thiếu hụt này có thể giúp tăng cường năng lực ở một trật tự cao hơn, mở rộng sự lựa chọn của con người và thúc đẩy phát triển con người.

Ở các quốc gia đang phát triển, cứ 10 người thì có ít nhất 6 người phải chịu đựng một trong số những thiếu hụt về môi trường này, và cứ 10 người thì có 4 người phải chịu từ 2 sự thiếu hụt trở lên. Những sự thiếu hụt này đặc biệt

HÌNH 6

Chỉ số nghèo đa chiều – tập trung vào những người chịu thiếu hụt nhiều nhất



ng nghiêm trọng ở những nhóm người nghèo đa chiều – cứ 10 người trong số này thì có hơn 9 người phải chịu ít nhất một sự thiếu hụt. Hầu hết đều phải chịu đựng những sự thiếu hụt chồng chéo: cứ 10 người nghèo đa chiều thì có 8 người chịu từ 2 sự thiếu hụt trở lên, và gần 1/3 (29%) bị thiếu hụt ở cả 3 yếu tố. Những thiếu hụt về môi trường này góp phần khá lớn vào tỉ lệ nghèo đa chiều, chiếm 20% MPI – trên mức 17% tỉ trọng của chúng trong chỉ số này. Ở các quốc gia đang phát triển, sự thiếu hụt ở mức cao nhất là trong khả năng tiếp cận với nhiên liệu nấu nướng, mặc dù thiếu nước là vấn đề rất phổ biến ở một số quốc gia Ả Rập.

Để hiểu rõ hơn những thiếu hụt về mặt môi trường, chúng tôi đã phân tích các mô hình tương ứng với các mức độ nghèo đói. Các quốc gia được xếp thứ tự theo tỉ lệ người nghèo đa chiều đối mặt với một sự thiếu hụt về mặt môi trường cũng như tỉ lệ phải đối mặt với cả 3 yếu tố thiếu hụt. Khi MPI tăng lên thì tỉ lệ dân số chịu những thiếu hụt về môi trường cũng tăng lên, nhưng có nhiều sự chênh lệch trong xu hướng này. Bảng 2 xác định 10 quốc gia có mức độ thiếu hụt về môi trường thấp nhất ở nhóm người nghèo đa chiều, kiểm soát được chỉ số MPI của nước họ (cột trái). Các quốc gia có tỉ lệ thấp nhất số người nghèo phải gánh

BẢNG 2

10 quốc gia có tỉ lệ người chịu thiếu hụt về môi trường thấp nhất trong số những người nghèo đa chiều, có số liệu năm gần nhất cho giai đoạn 2000-2010

Tỉ lệ thấp nhất người nghèo đa chiều chịu ít nhất 1 thiếu hụt	Tỉ lệ thấp nhất người nghèo đa chiều chịu ít nhất 3 thiếu hụt
Brazil	Bangladesh
Guyana	Pakistan
Djibouti	Gambia
Yemen	Nepal
Iraq	India
Morocco	Bhutan
Pakistan	Djibouti
Senegal	Brazil
Colombia	Morocco
Angola	Guyana

Ghi chú: Các nước in đậm có tên trong cả 2 danh sách

Nguồn: ước tính của cán bộ Văn phòng PTCN dựa trên số liệu MPI theo quốc gia

Sự xuống cấp của môi trường làm thu hẹp năng lực của con người theo nhiều cách khác nhau, vượt xa khỏi các khía cạnh thu nhập và sinh kế và bao gồm các tác động đối với y tế, giáo dục và các khía cạnh khác của đời sống

chịu ít nhất một sự thiếu hụt chủ yếu tập trung ở các quốc gia Ả Rập, khu vực Châu Mỹ Latinh và Caribe (7 nước trong số 10 nước dẫn đầu).

Trong số các quốc gia có số lượng thấp nhất người nghèo đa chiều phải đối mặt với cả ba sự thiếu hụt về môi trường, những quốc gia làm tốt hơn trong lĩnh vực này tập trung ở khu vực Nam Á – chiếm 5 quốc gia trong số 10 quốc gia dẫn đầu (xem Bảng 2, cột bên phải). Một số quốc gia Châu Á đã giảm được một vài sự thiếu hụt về môi trường, trong đó đáng lưu ý là khả năng tiếp cận với nước sạch, ngay cả khi những sự thiếu hụt khác vẫn tồn tại ở mức cao. Và 5 quốc gia này đều có mặt trong cả hai danh sách 10 quốc gia dẫn đầu – những thiếu hụt về môi trường của họ không những có tỉ lệ khá thấp mà còn ở mức độ nhẹ hơn.

Những việc đã làm được đối với các chỉ số này không nhất thiết giúp xác định được những nguy cơ và sự xuống cấp về môi trường ở phạm vi rộng hơn, ví dụ như về khả năng bị lũ lụt. Đồng thời, người nghèo – nhóm người dễ chịu hậu quả nhất từ những mối đe dọa trực tiếp của môi trường – hiển nhiên cũng phải đối mặt nhiều hơn với sự xuống cấp môi trường.

Chúng tôi tìm hiểu mô hình này thông qua xem xét mối liên hệ giữa MPI và những vấn đề liên quan đến

biến đổi khí hậu. Đối với 130 khu vực hành chính trực thuộc trung ương ở 15 nước trên thế giới, chúng tôi so sánh chỉ số MPI ở từng lĩnh vực với những thay đổi trong lượng mưa và nhiệt độ. Nhìn chung, những khu vực và địa phương nghèo nhất ở các quốc gia này có vẻ như đã nóng lên nhưng không có nhiều thêm hay ít đi lượng mưa – sự thay đổi nhất quán với thực tế giúp tìm hiểu các tác động của biến đổi khí hậu đối với người nghèo về thu nhập.

Những mối đe dọa về môi trường đối với một số khía cạnh phát triển con người

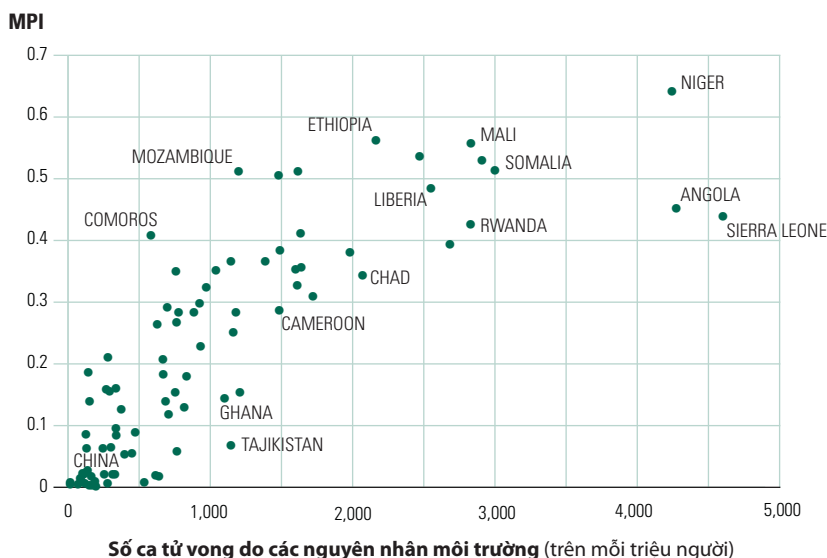
Sự xuống cấp của môi trường làm thu hẹp năng lực của con người theo nhiều cách khác nhau, vượt xa khỏi các khía cạnh thu nhập và sinh kế và bao gồm các tác động đối với y tế, giáo dục và các khía cạnh khác của đời sống.

Môi trường và y tế yếu kém – thiếu hụt chồng chất

Gánh nặng bệnh tật do ô nhiễm không khí trong nhà và ngoài trời, nước bẩn và điều kiện vệ sinh không được cải thiện là lớn nhất đối với người dân những nước nghèo, đặc biệt là những nhóm người chịu thiếu hụt. Ô nhiễm không khí trong nhà gây tử vong cho số lượng người lớn gấp 11 lần ở các quốc gia có HDI thấp so với những người sống ở bất cứ nơi nào khác. Những nhóm người yếu thế sống ở các quốc gia có HDI thấp, trung bình và cao phải đối mặt với nguy cơ lớn hơn về ô nhiễm không khí ngoài trời, vì cả hai nguyên nhân là mức độ tiếp xúc nhiều hơn và khả năng bị tác động lớn hơn. Ở các quốc gia có HDI thấp, cứ 10 người thì có hơn 6 người không được tiếp cận ngay lập tức với nước được cải thiện chất lượng, đồng thời cứ 10 người thì có gần 4 người không có toa-let đảm bảo vệ sinh – điều này góp phần gây nên cả bệnh tật và suy dinh dưỡng. Biến đổi khí hậu đe dọa sẽ làm tồi tệ hơn những sự cách biệt này thông qua làm lây lan những bệnh nhiệt đới như sốt rét và sốt xuất huyết, đồng thời làm giảm sản lượng cây trồng.

Cơ sở dữ liệu của Tổ chức Y tế Thế giới về Gánh nặng Dịch bệnh Toàn cầu đưa ra những phát hiện đáng kinh ngạc về tác động tiêu cực của các yếu tố môi trường, trong đó có một phát hiện là nước không sạch và điều kiện vệ sinh không đầy đủ là một trong 10 nguyên nhân hàng đầu dẫn đến dịch bệnh trên khắp thế giới. Hàng năm các bệnh dịch liên quan đến môi trường, trong đó có viêm hô hấp cấp và tiêu chảy, gây tử vong cho ít nhất 3 triệu trẻ em dưới 5 tuổi – nhiều hơn tổng số trẻ em dưới 5 tuổi của các nước Áo, Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Thụy Sĩ gộp lại.

HÌNH 7
Số ca tử vong do các nguy cơ môi trường có liên quan đến mức MPI cao



Ghi chú: Không bao gồm các quốc gia có HDI cao. Năm tiến hành khảo sát của các nước khác nhau: xem bảng 5 để có thông tin chi tiết.

Nguồn: A. Prüss-Ustün, R. Bos, F. Gore, và J. Bartram, 2008, Nước an toàn hơn, Sức khỏe tốt hơn: Chi phí, Lợi ích và tính Bền vững của các can thiệp bảo vệ và thúc đẩy sức khỏe, Geneva: Tổ chức Y tế Thế giới.

Sự xuống cấp môi trường và biến đổi khí hậu có tác động đến các môi trường vật chất và xã hội, tri thức, tài sản và hành vi. Các khía cạnh khó khăn có thể ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, gây thêm nhiều tác động tiêu cực – ví dụ, mức độ nguy cơ về sức khỏe là cao nhất ở những nơi không có đủ nước sạch và điều kiện vệ sinh, những sự thiếu hụt này thường đi kèm với nhau. Trong số 10 quốc gia có tỉ lệ tử vong lớn nhất do thảm họa môi trường, có 6 quốc gia cũng đồng thời nằm trong danh sách 10 nước dẫn đầu về MPI, trong đó có Niger, Mali và Angola (Hình 7).

Cản trở những tiến bộ về giáo dục cho các nhóm trẻ em yếu thế, đặc biệt là trẻ em nữ

Mặc dù chúng ta đã gần như đạt được phổ cập giáo dục tiểu học ở nhiều nơi trên thế giới nhưng vẫn tồn tại những khoảng cách. Gần 30% trẻ em ở độ tuổi học sinh tiểu học ở các quốc gia có HDI thấp không được đến trường, đồng thời vẫn còn tồn tại nhiều yếu tố hạn chế, trong đó có một số yếu tố môi trường, đối với những em được đi học. Ví dụ, việc thiếu điện có cả các tác động trực tiếp và gián tiếp. Việc tiếp cận với điện có thể giúp chiếu sáng tốt hơn, cho phép kéo dài thêm thời gian học tập, cũng như việc sử dụng các loại bếp mới sẽ giúp giảm thời gian dành cho việc kiếm củi đun và nước - những hoạt động đã được chứng minh là góp phần làm chậm sự tiến bộ trong giáo dục và làm cho tỉ lệ nhập học ở mức thấp. Trẻ em nữ thường chịu nhiều tác động tiêu cực hơn do các em thường phải kết hợp việc học hành và việc kiếm nhiên liệu. Tiếp cận với nước sạch và điều kiện vệ sinh được cải thiện cũng đặc biệt quan trọng đối với việc học tập của trẻ em nữ, cho phép các em tăng cường sức khỏe, tiết kiệm thời gian và có được sự riêng tư.

Các hệ quả khác

Những thiếu hụt về môi trường ở cấp hộ gia đình có thể xảy ra đồng thời với những vấn đề môi trường trên phạm vi lớn hơn, gây hạn chế sự lựa chọn của con người trong nhiều bối cảnh khác nhau và khiến cho việc kiếm sống nhờ vào tài nguyên thiên nhiên trở nên khó khăn hơn: người ta phải lao động nhiều hơn để đạt được cùng một nguồn lợi, hoặc thậm chí phải di cư để thoát khỏi sự xuống cấp của môi trường.

Sống phụ thuộc vào tài nguyên có sẵn gây mất nhiều thời gian, đặc biệt là khi các gia đình không có nhiên liệu đun nấu mới và nước sạch. Các khảo sát về việc sử dụng thời gian mở ra một cánh cửa giúp chúng ta nhìn thấy những bất bình đẳng về giới liên quan đến vấn đề này. Phụ nữ thường phải dành nhiều thời gian hơn so với nam giới để kiếm củi và nước, và trẻ em nữ cũng phải dành nhiều thời gian hơn so với trẻ em nam. Việc phụ nữ phải tham gia quá nhiều vào các hoạt động này đã được chứng minh là

yếu tố cản trở họ tham gia vào các hoạt động đem lại lợi ích lớn hơn.

Như đã trình bày tại BCPTCN năm 2009, khả năng dịch chuyển - cho phép con người lựa chọn nơi sinh sống – là yếu tố quan trọng giúp mở rộng quyền tự do của con người và giúp đạt được các kết quả tốt hơn. Nhưng những hạn chế về mặt pháp lý làm cho việc di cư mang nhiều tính rủi ro. Rất khó ước lượng được số người phải di cư để thoát khỏi các vấn đề môi trường do có các yếu tố khác cùng tác động đến việc di cư của họ, trong đó đáng lưu ý là yếu tố đói nghèo. Tuy nhiên, một vài con số ước tính có được cho đến nay đều ở mức rất cao.

Các vấn đề môi trường cũng đã được liên hệ với khả năng xung đột gia tăng. Tuy nhiên, mối liên hệ này là không trực tiếp, và chịu ảnh hưởng của nền kinh tế chính trị ở phạm vi rộng hơn cũng như của các yếu tố bối cảnh làm cho các cá nhân, cộng đồng và xã hội dễ phải chịu các tác động của sự xuống cấp môi trường.

Các tác động không đồng đều của những hiện tượng thời tiết cực đoan

Bên cạnh những mối đe dọa nguy hại về lâu dài, sự xuống cấp môi trường cũng có thể làm tăng thêm những mối đe dọa cấp thiết, với các tác động không đồng đều. Phân tích của chúng tôi cho thấy nếu số lượng người chịu ảnh hưởng của một hiện tượng thời tiết cực đoan tại một quốc gia tăng lên 10% thì HDI của quốc gia đó sẽ giảm đi gần 2%, trong đó tác động lớn hơn được ghi nhận ở khía cạnh thu nhập và ở các quốc gia có HDI trung bình.

Gánh nặng này không phải là đồng đều đối với mọi đối tượng: nguy cơ bị thương và tử vong do lũ lụt, gió lốc và lở đất cao hơn ở trẻ em, phụ nữ và người già, đặc biệt là những người nghèo. Sự không đồng đều đáng kể giữa hai giới trong việc gánh chịu hậu quả thiên tai cho thấy sự bất bình đẳng trong mức độ tiếp xúc với thiên tai – cũng như trong khả năng tiếp cận với các nguồn lực, năng lực và cơ hội – khiến cho một số phụ nữ phải chịu thiệt thòi một cách có hệ thống qua việc làm cho họ dễ bị tổn thương hơn.

Trẻ em phải chịu tác động lớn của các hiện tượng thời tiết cực đoan do những ảnh hưởng lâu dài của suy dinh dưỡng và của việc không được đến trường, gây hạn chế tiềm năng của các em. Thực tế ở nhiều quốc gia đang phát triển cho thấy các cú sốc về thu nhập có tính nhất thời có thể khiến các gia đình không cho con em mình tiếp tục đến trường. Nói một cách khái quát hơn, có một số yếu tố hình thành nên mức độ tiếp xúc của các gia đình với những cú sốc tiêu cực cũng như năng lực đương đầu của họ, trong đó có loại hình của cú sốc đó, địa vị kinh tế - xã hội, nguồn lực xã hội và những hỗ trợ không chính thức, cũng như tính bình đẳng và hiệu quả của các nỗ lực cứu trợ và tái thiết.

Nếu số lượng người chịu ảnh hưởng của một hiện tượng thời tiết cực đoan tại một quốc gia tăng lên 10% thì HDI của quốc gia đó sẽ giảm đi gần 2%, trong đó tác động lớn hơn được ghi nhận ở khía cạnh thu nhập và ở các quốc gia có HDI trung bình

Nâng cao vị thế - lựa chọn trong vấn đề sinh sản và những sự mất cân bằng chính trị

Những chuyển đổi trong vai trò của các giới và trong việc nâng cao vị thế đã cho phép một số quốc gia và nhóm người cải thiện sự bền vững của môi trường và bình đẳng, thúc đẩy phát triển con người.

Bình đẳng giới

Chỉ số Bình đẳng Giới (GII) do chúng tôi đưa ra, được cập nhật trong năm nay cho 145 quốc gia, cho thấy những hạn chế về sức khỏe sinh sản góp phần gây nên bất bình đẳng giới như thế nào. Đây là vấn đề quan trọng bởi vì ở những quốc gia thực hiện phổ biến việc kiểm soát sinh đẻ một cách có hiệu quả, phụ nữ sinh con ít hơn, đem lại những lợi ích cho sức khỏe bà mẹ và trẻ em và giúp giảm khí thải hiệu ứng nhà kính. Ví dụ, ở Cuba, Mauritius, Thái Lan và Tunisia, nơi luôn có sẵn các dịch vụ sức khỏe sinh sản và phòng tránh thai, tỉ lệ sinh ở mức dưới hai con đối với mỗi bà mẹ. Nhưng vẫn tồn tại những nhu cầu lớn chưa được đáp ứng trên phạm vi thế giới, và thực tế cho thấy nếu tất cả mọi phụ nữ đều được lựa chọn việc sinh đẻ của mình thì tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức đủ chậm để đưa lượng phát thải hiệu ứng nhà kính xuống dưới mức hiện nay. Việc đáp ứng các nhu cầu hiện chưa được đáp ứng trong công tác kế hoạch hóa gia đình đến năm 2050 sẽ giúp làm giảm lượng khí thải cacbon của toàn thế giới xuống 17% so với mức hiện nay.

Chỉ số GII cũng tập trung vào sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định chính trị, nên bật một thực tế là trên khắp thế giới phụ nữ vẫn còn tụt hậu so với nam giới, đặc biệt là ở khu vực Châu Phi cận Sahara, Nam Á và các quốc gia Ả Rập. Điều này có những liên hệ quan trọng với vấn đề bền vững và bình đẳng. Do phụ nữ thường phải gánh vác trách nhiệm nặng nề nhất trong việc tìm kiếm nguồn lực thiên nhiên và thường tiếp xúc nhiều nhất với ô nhiễm không khí trong nhà, họ thường chịu tác động nhiều hơn so với nam giới trước những quyết định liên quan đến tài nguyên thiên nhiên. Những nghiên cứu gần đây cho thấy không chỉ có sự tham gia của phụ nữ là quan trọng mà còn là cách thức mà mức độ tham gia của họ. Và do phụ nữ thường thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đến môi trường, ủng hộ các chính sách môi trường và bầu cho các nhà lãnh đạo hoạt động vì môi trường, sự tham gia lớn hơn của họ trong các hoạt động chính trị và trong các tổ chức phi chính phủ có thể dẫn đến những lợi ích về môi trường, qua đó đem lại những tác động cấp số nhân cho tất cả các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Những lập luận trên đây không phải là mới mẻ, nhưng giúp khẳng định giá trị của việc mở rộng các quyền tự do trên thực tế cho phụ nữ. Qua đó có thể thấy sự tham gia của phụ nữ trong quá trình đưa ra quyết định có cả giá trị nội tại và tầm quan trọng với tư cách là phương tiện giải quyết vấn đề bất bình đẳng và xuống cấp môi trường.

Những cách biệt về vị thế

Như đã trình bày trong BCPTCN năm 2010, việc nâng cao vị thế có nhiều khía cạnh khác nhau, bao gồm sự dân chủ có tính thủ tục, chính thức ở cấp quốc gia và các quy trình đảm bảo sự tham gia ở cấp địa phương. Việc nâng cao vị thế chính trị ở các cấp quốc gia và địa phương đã được chứng minh là giúp cải thiện sự bền vững môi trường. Và mặc dù bối cảnh là yếu tố quan trọng nhưng các nghiên cứu đã cho thấy các chế độ dân chủ thường được lựa chọn qua bầu cử nhiều hơn và có nhiều khả năng ủng hộ quyền tự do của công dân hơn. Tuy nhiên một thách thức chính ở bất cứ nơi đâu là ngay cả trong các hệ thống dân chủ, những người chịu tác động tiêu cực nhất của sự xuống cấp môi trường thường là những người nghèo nhất và có vị thế thấp nhất, do đó những ưu tiên về chính sách không phản ánh được những lợi ích và nhu cầu của họ.

Hiện đang có thêm nhiều bằng chứng cho thấy bất bình đẳng về vị thế, tồn tại thông qua các thể chế chính trị, có tác động đối với các kết quả về môi trường ở nhiều quốc gia và bối cảnh khác nhau. Điều này có nghĩa là người nghèo và các nhóm người yếu thế khác phải chịu tác động lớn hơn của sự xuống cấp môi trường. Một phân tích mới phục vụ cho Báo cáo này được thực hiện đối với khoảng 100 quốc gia đã khẳng định rằng sự bình đẳng hơn trong vị thế, xét ở phạm vi rộng, có mối liên hệ tích cực với các kết quả môi trường tốt hơn, trong đó có khả năng tiếp cận tốt hơn với nước sạch, sự xuống cấp ít hơn của đất đai và số lượng tử vong do ô nhiễm không khí trong nhà và ngoài trời cũng như do sử dụng nước bẩn giảm đi – điều này cho thấy mức độ quan trọng của việc thực hiện các hệ thống chính sách đồng bộ tích cực.

Các hệ thống đồng bộ tích cực – các chiến lược có lợi cho môi trường, sự bình đẳng và phát triển con người

Nhằm đối mặt với các thách thức trình bày trên đây, chính phủ các nước, xã hội dân sự, khu vực kinh tế tư nhân và các đối tác phát triển đã xây dựng các cách tiếp cận kết hợp được sự bền vững môi trường với bình đẳng và đồng thời thúc đẩy phát triển con người – các chiến lược có lợi cho cả ba yếu tố trên. Các giải pháp

Việc đáp ứng các nhu cầu hiện chưa được đáp ứng trong công tác kế hoạch hóa gia đình đến năm 2050 sẽ giúp làm giảm lượng khí thải cacbon của toàn thế giới xuống 17% so với mức hiện nay.

muốn có hiệu quả thì cần phải cụ thể cho từng bối cảnh. Tuy nhiên, một điều quan trọng là cần cân nhắc các kinh nghiệm của địa phương và của quốc gia, đồng thời công nhận các nguyên tắc được áp dụng cho mọi bối cảnh. Ở cấp địa phương, chúng tôi nhấn mạnh yêu cầu cần có các thể chế cho mọi đối tượng; còn ở cấp quốc gia thì đó là yêu cầu mở rộng phạm vi các sáng kiến và các đối mới chính sách đã đem lại thành công.

Hệ thống chính sách là rất rộng lớn. Báo cáo này không thể đề cập được hết – nhưng giá trị bổ sung là ở chỗ tìm ra các chiến lược có lợi cho cả ba yếu tố thể hiện sự thành công trong việc giải quyết các thách thức xã hội, kinh tế và môi trường thông qua việc quản lý, hay thậm chí là bỏ qua, những sự thỏa hiệp thông qua các cách tiếp cận không chỉ tốt cho môi trường mà còn tốt cho vấn đề bình đẳng và phát triển con người xét ở phạm vi rộng hơn. Nhằm khuyến khích tranh luận và hành động, chúng tôi xin đưa ra những ví dụ cụ thể cho thấy chiến lược giải quyết những sự thỏa hiệp và xác định các hệ thống đồng bộ tích cực đã có hiệu quả như thế nào trong thực tế. Dưới đây chúng tôi trình bày ví dụ về năng lượng mới.

Tiếp cận với năng lượng mới

Năng lượng có vai trò trung tâm trong phát triển con người, tuy nhiên khoảng 1,5 tỉ người trên khắp thế giới – chiếm 1/5 dân số toàn cầu – vẫn thiếu điện sinh hoạt. Ở những nhóm người nghèo đa chiều, mức độ thiếu hụt này còn lớn hơn nhiều – cứ 3 người thì có 1 người không có điện sử dụng.

Liệu có sự thỏa hiệp nào giữa việc mở rộng cung cấp năng lượng và lượng khí thải cacbon hay không? Không phải lúc nào cũng có. Chúng tôi nhận thấy mối liên hệ này được mô tả chưa đúng. Có nhiều triển vọng cho việc mở rộng khả năng tiếp cận với năng lượng mà không gây nhiều thiệt hại về môi trường:

- Các phương án phân cấp quản lý cung cấp điện ngoài mạng lưới có tính khả thi về mặt kỹ thuật nhằm cung cấp các dịch vụ điện cho những hộ gia đình nghèo, có thể được cấp kinh phí và thực hiện mà chỉ gây tác động rất ít đến khí hậu.
- Việc cung cấp các dịch vụ năng lượng mới cơ bản cho mọi người dân có thể sẽ chỉ làm tăng mức phát thải cacbon điôxit lên con số ước tính là 0,8% - trong đó có tính đến những cam kết chính sách ở phạm vi rộng đã được công bố.

Năng lượng cung cấp trên toàn thế giới đã đạt đến điểm tăng mạnh trong năm 2010, trong đó các nguồn năng lượng tái tạo chiếm 25% năng lượng toàn cầu và sản xuất ra trên 18% sản lượng điện toàn cầu. Thách thức đặt ra là cần mở rộng khả năng tiếp cận với một phạm vi và tốc

độ giúp cải thiện cuộc sống của người nghèo hiện nay và trong tương lai.

Ngăn chặn sự xuống cấp môi trường

Một hệ thống các biện pháp trên phạm vi rộng hơn nhằm ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường bao gồm từ việc mở rộng sự lựa chọn trong vấn đề sinh sản đến thúc đẩy công tác quản lý rừng trong cộng đồng cũng như các biện pháp ứng phó với thiên tai dựa trên sự thích nghi.

Quyền lựa chọn trong việc sinh đẻ, trong đó có khả năng tiếp cận với các dịch vụ sức khỏe sinh sản, là một điều kiện tiên quyết cho việc nâng cao vị thế của phụ nữ và có thể giúp ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường. Những cải thiện lớn là điều khả thi. Nhiều ví dụ đã cho thấy cơ hội sử dụng hệ thống y tế hiện có để cung cấp các dịch vụ sức khỏe sinh sản mà không phải tốn thêm nhiều chi phí và cũng cho thấy tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng. Ví dụ như ở Băng-la-đet, tỉ lệ sinh đã giảm mạnh từ 6,6 lần sinh đối với mỗi bà mẹ trong năm 1975 xuống còn 2,4 trong năm 2009. Chính phủ quốc gia này đã sử dụng dịch vụ y tế lưu động và các chi nhánh để giúp người dân tiếp cận dễ dàng hơn với các biện pháp tránh thai, đồng thời tác động đến các chuẩn tắc xã hội thông qua thảo luận với những người lãnh đạo tư tưởng của cả hai giới nam và nữ, bao gồm các nhà lãnh đạo tôn giáo, giáo viên và các tổ chức phi chính phủ.

Việc quản lý rừng bởi cộng đồng có thể giúp bù đắp cho sự xuống cấp môi trường ở địa phương và giảm bớt mức phát thải khí cacbon, nhưng kinh nghiệm cho thấy việc làm này cũng có nguy cơ gây loại trừ và khó khăn cho những nhóm người vốn đã ở ngoài lề. Để tránh những nguy cơ trên, chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia trên quy mô rộng trong việc thiết kế và thực hiện công tác quản lý rừng, đặc biệt là đối với phụ nữ, và đảm bảo rằng người nghèo và những người sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng không bị làm cho nghèo đi.

Những hướng đi nhiều triển vọng cũng đang được vạch ra nhằm giảm tác động tiêu cực của thiên tai thông qua các biện pháp ứng phó với thiên tai dựa trên sự bình đẳng và thích nghi cũng như các chính sách bảo trợ xã hội có tính đổi mới. Các biện pháp ứng phó với thiên tai bao gồm lập bản đồ nguy cơ ở cộng đồng và phân bổ tài sản đã được khôi phục lại một cách tiến bộ. Kinh nghiệm thực tiễn đã khuyến khích việc chuyển hướng sang các mô hình phân cấp trong giảm thiểu nguy cơ. Những nỗ lực này có thể giúp nâng cao vị thế cho người dân địa phương, đặc biệt là phụ nữ, qua việc nhấn mạnh sự tham gia của họ trong quá trình thiết kế và đưa ra quyết định. Có thể tái thiết các cộng đồng theo những cách giúp đẩy lùi tình trạng bất bình đẳng hiện có.

Có nhiều triển vọng cho việc mở rộng khả năng tiếp cận với năng lượng mà không gây nhiều thiệt hại về môi trường

Những phương pháp truyền thống trong việc đánh giá các chính sách môi trường thường không chạm được đến vấn đề phân bổ. Tầm quan trọng của bình đẳng và sự tham gia của mọi đối tượng đã được thể hiện rõ ràng qua mục tiêu của các chính sách kinh tế xanh, và chúng tôi đề nghị tiếp tục thực hiện những chính sách này.

Tư duy lại về mô hình phát triển của chúng ta – Đòn bẩy cho sự thay đổi

Những cách biệt lớn giữa mọi người, giữa các nhóm đối tượng và các quốc gia góp phần thêm vào những nguy cơ môi trường vốn đã lớn và đang tiếp tục gia tăng, là những thách thức lớn về mặt chính sách. Nhưng chúng ta có lý do để lạc quan. Xét ở nhiều khía cạnh, những điều kiện chúng ta có ngày hôm nay có lợi cho sự phát triển nhiều hơn bất cứ khi nào – với những chính sách đổi mới và những sáng kiến ở một số nơi trên thế giới. Để có thể đưa đề tài tranh luận này đi xa hơn đòi hỏi phải có những suy nghĩ táo bạo, đặc biệt là ở thời điểm kết thúc Hội nghị của LHQ về Phát triển Bền vững (Rio+20) và buổi bình minh của thời đại mới sau năm 2015. Báo cáo này khuyến khích một cách nhìn mới trong việc thúc đẩy phát triển con người thông qua một lăng kính chung để nhìn nhận hai yếu tố bền vững và bình đẳng. Ở các cấp địa phương và quốc gia, chúng tôi nhấn mạnh yêu cầu đưa vấn đề bình đẳng trở thành vấn đề hàng đầu trong thiết kế các chính sách và chương trình, đồng thời khai thác các tác động tiềm năng cấp số nhân của việc nâng cao vị thế trong các lĩnh vực pháp lý và chính trị. Ở cấp quốc tế, chúng tôi nêu bật yêu cầu dành nhiều hơn các nguồn lực cho việc giải quyết các mối đe dọa về môi trường, đồng thời thúc đẩy sự bình đẳng và sự đại diện của các quốc gia và nhóm người yếu thế trong việc tiếp cận tài chính.

Lồng ghép các vấn đề bình đẳng vào các chính sách kinh tế xanh

Một đề tài chính của Báo cáo này là yêu cầu lồng ghép đầy đủ các vấn đề bình đẳng vào các chính sách có tác động đến môi trường. Những phương pháp truyền thống trong việc đánh giá các chính sách môi trường thường không đạt được mục đích. Ví dụ, những phương pháp này có thể nêu lên các tác động đối với lượng khí thải trong tương lai, nhưng thường không nêu được các vấn đề về phân bổ. Ngay cả khi chúng ta có cân nhắc đến tác động đối với những nhóm đối tượng khác nhau thì chủ yếu vẫn chỉ hạn chế ở vấn đề thu nhập. Tầm quan trọng của bình đẳng và sự tham gia của mọi đối tượng đã được thể hiện rõ ràng qua mục tiêu của các chính sách kinh tế xanh. Chúng tôi đề nghị tiếp tục thực hiện những chính sách này.

Một số nguyên tắc chủ đạo có thể giúp đưa những vấn đề bình đẳng ở phạm vi rộng hơn vào quá trình hoạch

định chính sách thông qua sự tham gia của các bên trong quá trình phân tích, trong đó có cân nhắc:

- Các khía cạnh phi thu nhập trong đời sống, thông qua các công cụ như chỉ số MPI.
- Các tác động gián tiếp và trực tiếp của chính sách.
- Các cơ chế đền bù cho những người chịu ảnh hưởng tiêu cực.
- Nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể có sức tàn phá lớn, dù chúng ít có khả năng xảy ra đến đâu.

Cần thiết phải tiến hành phân tích sớm các hệ quả phân bổ theo các nhóm và hệ quả môi trường của các chính sách.

Một môi trường sạch và an toàn – quyền chứ không phải ân huệ

Việc đưa các quyền về môi trường vào hiến pháp và luật pháp quốc gia có thể là một việc làm có hiệu quả, ít nhất là qua việc nâng cao vị thế cho người dân nhằm bảo vệ các quyền đó. Hiến pháp của ít nhất 120 quốc gia trên thế giới có đề cập đến các quy tắc về môi trường. Và nhiều quốc gia dù không quy định rõ về các quyền môi trường nhưng cũng cụ thể hóa các điều khoản chung trong hiến pháp về quyền cá nhân của mỗi người thành một quyền cơ bản là được sống trong môi trường lành mạnh.

Việc công nhận bằng hiến pháp rằng mọi người có quyền như nhau được sống trong một môi trường lành mạnh giúp thúc đẩy sự bình đẳng, do điều này không còn làm hạn chế khả năng tiếp cận chỉ ở những người có khả năng tài chính nữa. Việc đưa quyền này vào khung pháp lý cũng có thể có tác động đến các ưu tiên của Chính phủ cũng như việc phân bổ nguồn lực.

Bên cạnh việc công nhận về mặt pháp lý các quyền bình đẳng của con người được sống trong một môi trường lành mạnh và vận hành tốt, một yêu cầu đặt ra là cần có những thể chế, cơ quan cho phép thực hiện quyền đó, trong đó có một cơ quan tư pháp công bằng và độc lập, cũng như quyền được nắm bắt thông tin từ Chính phủ và các doanh nghiệp. Cộng đồng quốc tế cũng ngày càng thừa nhận nhiều hơn quyền được có thông tin về môi trường.

Sự tham gia và trách nhiệm giải trình

Quyền tự do trong các quy trình là yếu tố trung tâm trong phát triển con người, và như đã trình bày trong BCPTCN năm trước, quyền tự do này có cả giá trị nội tại và giá trị là công cụ. Những sự cách biệt lớn về vị thế dẫn đến những sự cách biệt lớn trong các kết quả môi trường. Ngược lại, việc nâng cao vị thế có thể đem lại

các kết quả môi trường tích cực một cách đồng đều. Dân chủ là yếu tố quan trọng, nhưng hơn thế nữa, các thể chế quốc gia cần có trách nhiệm giải trình và phục vụ tất cả mọi đối tượng – đặc biệt là đối với những nhóm người bị ảnh hưởng, trong đó có phụ nữ - nhằm tạo điều kiện hoạt động cho khối xã hội dân sự và thúc đẩy khả năng tiếp cận của quần chúng với thông tin.

Một điều kiện tiên quyết cho sự tham gia là cần có những quy trình thảo luận cởi mở, minh bạch và dành cho mọi đối tượng tham gia – nhưng trên thực tế, vẫn tồn tại những rào cản đối với sự tham gia một cách có hiệu quả. Mặc dù đã có những thay đổi tích cực nhưng cần có những nỗ lực tiếp theo nhằm tăng cường khả năng cho những nhóm đối tượng vẫn thường bị gạt ra ngoài, ví dụ như người dân tộc bản địa, được đóng một vai trò tích cực hơn. Thực tế cũng ngày càng chứng minh tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho sự tham gia của phụ nữ, do bản thân điều này đã rất quan trọng và do nó có sự gắn kết với các kết quả bền vững hơn.

Ở những quốc gia mà Nhà nước quan tâm giải quyết kịp thời những quan ngại chung của quần chúng, họ dễ có khả năng đạt được sự thay đổi hơn. Một môi trường trong đó xã hội dân sự được tạo điều kiện phát triển cũng giúp hình thành trách nhiệm giải trình ở các cấp địa phương, quốc gia và quốc tế, đồng thời tự do báo chí là yếu tố thiết yếu giúp nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội.

Kinh phí đầu tư: chúng ta đứng ở đâu?

Những tranh luận về sự bền vững nêu lên một số vấn đề lớn về chi phí và kinh phí, trong đó có câu hỏi ai cần cấp kinh phí cho việc gì – và như thế nào. Các nguyên tắc bình đẳng đòi hỏi phải có sự chuyển giao lớn các nguồn lực sang các nước nghèo, vừa để đạt được tiếp cận bình đẳng với nước và năng lượng, vừa để chi trả cho công tác thích nghi với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu.

Có bốn thông điệp quan trọng được nêu lên qua phân tích của chúng tôi về việc cấp kinh phí:

- Các nhu cầu đầu tư là khá lớn, nhưng cũng không lớn hơn so với mức chi tiêu hiện nay cho các lĩnh vực khác, ví dụ như quân đội. Mức đầu tư ước tính hàng năm để đạt được tiếp cận phổ biến cho mọi người dân với các nguồn năng lượng mới chỉ nhỏ hơn 1/8 lần mức trợ giá hàng năm cho nhiên liệu hóa thạch.
- Sự cam kết của khu vực Nhà nước là yếu tố quan trọng (trong đó nổi bật lên là sự hào phóng của một số cơ quan tài trợ), còn khu vực tư nhân là một nguồn cấp kinh phí lớn và hết sức thiết yếu. Những nỗ lực của khu vực Nhà nước có thể là chất xúc tác cho sự đầu tư của khu vực tư nhân, trong đó nhấn

manh vai trò quan trọng của việc tăng cường các quỹ công và hỗ trợ xây dựng một môi trường đầu tư tích cực cũng như xây dựng năng lực địa phương.

- Những hạn chế về số liệu gây khó khăn cho việc theo dõi chỉ tiêu của khu vực tư nhân và khu vực Nhà nước cho sự bền vững môi trường. Những thông tin hiện có chỉ cho phép kiểm tra các dòng vốn viện trợ phát triển chính thức.
- Mô hình cấp kinh phí còn phức tạp và rời rạc, làm giảm hiệu quả của việc cấp kinh phí và gây khó khăn cho việc theo dõi chỉ tiêu. Cần học hỏi nhiều từ những cam kết về hiệu quả viện trợ được thực hiện trước đây ở Pari và Accra.

Mặc dù những thông tin, bằng chứng về nhu cầu, cam kết và giải ngân còn chắp vá và chưa thể biết chắc chắn về mức độ thực hiện, nhưng bức tranh đã khá rõ ràng. Khoảng cách giữa việc chi dùng viện trợ phát triển chính thức và lượng đầu tư cần thiết để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, năng lượng ít cacbon, nước và vệ sinh vẫn còn rất lớn – thậm chí là lớn hơn so với khoảng cách giữa các cam kết và nhu cầu đầu tư. Lượng tiêu dùng cho các nguồn năng lượng ít cacbon chỉ chiếm 1,6% mức nhu cầu thấp nhất được ước tính, trong khi lượng tiêu dùng cho công tác thích nghi và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu chiếm khoảng 11% mức nhu cầu thấp nhất được ước tính. Đối với công tác cấp nước sạch và vệ sinh, con số này còn nhỏ hơn nhiều, và các cam kết viện trợ phát triển ở mức gần hơn với chi phí ước tính.

Thu hẹp khoảng cách trong cấp kinh phí: thuế giao dịch tiền tệ - từ ý tưởng lớn đến chính sách thực tiễn

Khoảng cách trong việc phân bổ các nguồn lực hiện có nhằm giải quyết sự thiếu hụt và các thách thức được đề cập trong Báo cáo này có thể được thu hẹp đáng kể bằng cách tận dụng những cơ hội mới. Cơ hội hàng đầu cần nắm bắt là việc áp dụng thuế giao dịch tiền tệ. Được trình bày trong BCPTCN năm 1994, ý tưởng này đang ngày càng được công nhận là một phương án chính sách có tính thực tiễn cao. Cuộc khủng hoảng tài chính gần đây đã khơi dậy sự quan tâm đến đề xuất này, khẳng định tính phù hợp và kịp thời của nó.

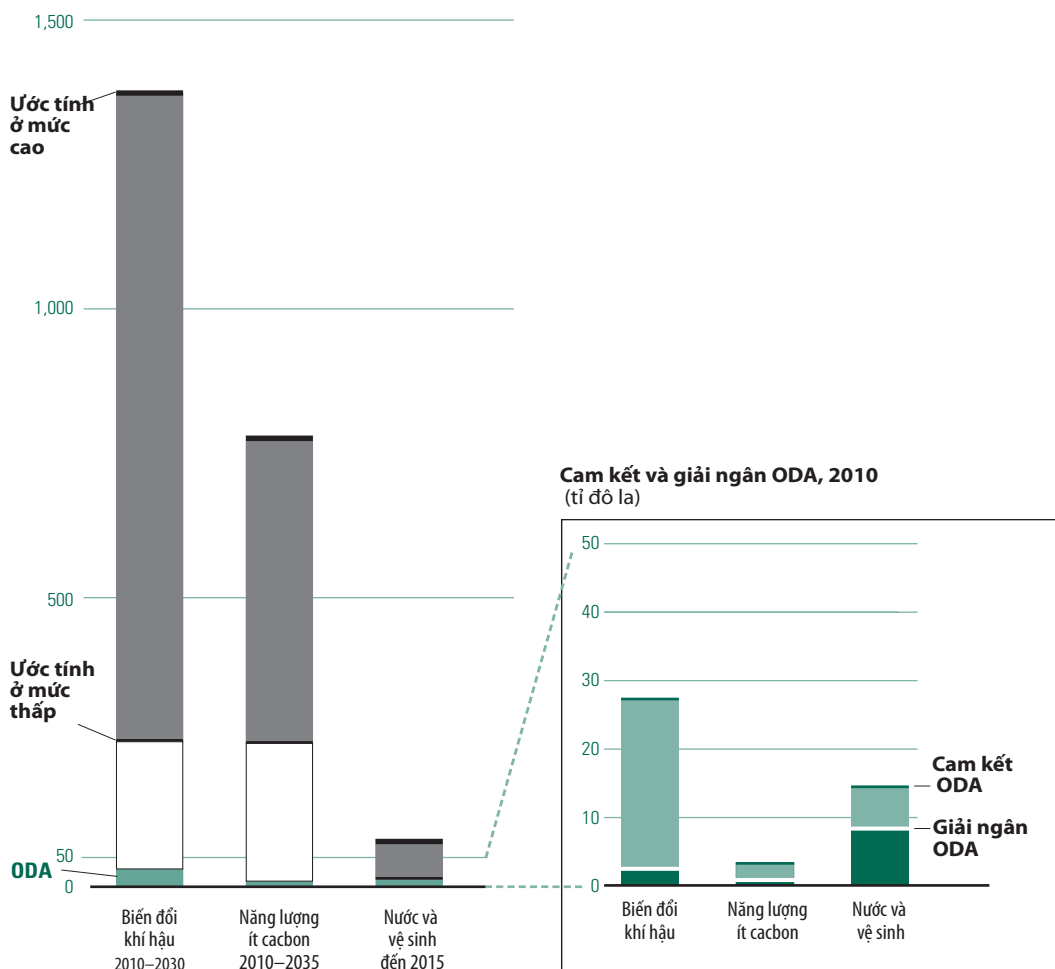
Cơ cấu ổn định thu đối ngoại tệ ngày nay đã trở nên có tổ chức hơn, tập trung hơn và chuẩn hóa hơn, do đó tính khả thi của việc thực hiện loại thuế này là một vấn đề mới cần lưu tâm. Việc áp dụng loại thuế này nhận được sự tán thành của các cấp cao, trong đó có Nhóm các quốc gia dẫn đầu trong công tác cấp kinh phí đối mới, với khoảng 63 thành viên, trong đó có Trung Quốc, Pháp, Đức, Nhật Bản và Vương quốc Anh. Nhóm cố vấn cấp cao của LHQ về

Với mức thuế suất rất nhỏ (0,005%) và không tổn thêm bất kỳ chi phí hành chính nào, thuế giao dịch tiền tệ có thể đem lại nguồn thu bổ sung hàng năm vào khoảng 40 tỉ đô la Mỹ. Rất ít phương án nào khác ở phạm vi cần thiết có thể đáp ứng được nhu cầu mới và nhu cầu bổ sung về kinh phí đã được nhấn mạnh qua các tranh luận quốc tế

HÌNH 8

Viện trợ phát triển chính thức chỉ đáp ứng một phần nhu cầu rất nhỏ

**Ước tính nhu cầu trong tương lai
và mức ODA hiện có**
Mức chi tiêu hàng năm (tỉ đô la)



Nguồn: Cơ quan Năng lượng Quốc tế 2010, *Viễn cảnh Năng lượng Thế giới*; Paris: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế; Cơ quan Nước của LHQ, 2010, *Đánh giá Thường niên Tình hình Vệ sinh và Nước uống Thế giới: Hướng tới các nguồn lực để đạt kết quả tốt hơn*; Geneva: Tổ chức Y tế Thế giới; Ban Kinh tế & Xã hội LHQ, 2010, *Thúc đẩy Phát triển, Cứu sống Hành tinh*; New York: Liên Hợp Quốc; và Cơ sở dữ liệu Phát triển của OECD về các hoạt động viện trợ: CRS online

cấp kinh phí ứng phó với biến đổi khí hậu gần đây cũng đã đề xuất rằng nên dành 25-50% số tiền thu được từ khoản thuế này cho công tác thích nghi và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở các quốc gia đang phát triển.

Phân tích cập nhật của chúng tôi cho thấy rằng với mức thuế suất rất nhỏ (0,005%) và không tốn thêm bất kỳ chi phí hành chính nào, thuế giao dịch tiền tệ có thể đem lại nguồn thu bổ sung hàng năm vào khoảng 40 tỉ đô la Mỹ. Rất ít phương án nào khác ở phạm vi cần thiết có thể đáp ứng được nhu những cầu mới và nhu cầu bổ sung về kinh phí đã được nhấn mạnh qua các tranh luận quốc tế.

Việc áp dụng thuế giao dịch tài chính ở phạm vi rộng hơn cũng hứa hẹn đem lại nguồn thu lớn. Hầu hết các quốc gia G-20 đã áp dụng thuế giao dịch tài chính, đồng thời Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã khẳng định tính khả thi xét về khía cạnh hành chính của việc áp dụng một loại thuế ở phạm vi rộng lớn hơn. Một “phiên bản” của loại thuế này, mức thuế 0,05% đối với các giao dịch tài chính trong nước và quốc tế, có thể giúp tăng nguồn thu thêm 600–700 tỉ đô la Mỹ.

Việc lưu hành làm tiền tệ một phần thặng dư của Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDRs) cũng là một ý tưởng thu hút được sự quan tâm. Việc làm này có thể giúp tăng thêm 75 tỉ đô la trong khi các quốc gia có đóng góp không

phải mất chi phí nào hoặc chỉ mất ít chi phí ngân sách. SDRs còn có một điểm hấp dẫn khác, đó là nó đóng vai trò như một công cụ tái cân bằng tiền tệ; dự đoán nhu cầu sẽ đến từ những nền kinh tế đang nổi đang tìm cách đa dạng hóa dự trữ tiền tệ của mình.

Cải cách để đạt được sự bình đẳng lớn hơn và tiếng nói mạnh mẽ hơn

Để thu hẹp khoảng cách chia rẽ các nhà hoạch định chính sách, các nhà đàm phán và những người có vai trò ra quyết định với những người dân dễ chịu tác động nhất của sự xuống cấp môi trường đòi hỏi phải giải quyết những bất cập về trách nhiệm giải trình trong quản lý môi trường ở cấp quốc tế. Chỉ riêng trách nhiệm giải trình chưa thể giải quyết được thách thức này, nhưng đó là nền tảng cho việc xây dựng một hệ thống quản lý toàn cầu có hiệu quả về mặt xã hội và môi trường cho người dân.

Chúng tôi kêu gọi thực hiện các biện pháp cải thiện bình đẳng và tiếng nói của người dân trong việc tiếp cận với nguồn tài chính nhằm hỗ trợ các nỗ lực chống sự xuống cấp của môi trường.

Các nguồn lực tư nhân là yếu tố quan trọng thiết yếu, tuy nhiên do hầu hết các dòng vốn đầu tư cho các lĩnh vực, ví dụ như ngành năng lượng, là từ các đơn vị tư nhân, nên những nguy cơ lớn hơn và khả năng thu lợi thấp hơn ở một số khu vực trong con mắt của các nhà đầu tư tư nhân sẽ làm ảnh hưởng đến dòng chảy vốn đầu tư. Nếu không được cải cách thì khả năng tiếp cận với kinh phí sẽ tiếp tục không đồng đều giữa các quốc gia và trên thực tế sẽ làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng hiện có. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng các dòng chảy đầu tư công có tính công bằng và giúp tạo điều kiện thu hút các dòng đầu tư tư nhân trong tương lai.

Vấn đề đặt ra là rất rõ ràng – cần thực hiện các nguyên tắc bình đẳng nhằm chỉ đạo và khuyến khích các dòng chảy tài chính quốc tế. Hỗ trợ xây dựng thể chế cũng là một việc làm cần thiết để giúp cho các quốc gia đang phát triển xây dựng các chính sách và cơ chế ưu đãi phù hợp. Các cơ chế quản lý có liên quan cho việc cấp kinh phí công ở cấp quốc tế cần cho phép mọi người có tiếng nói và trách nhiệm giải trình trước xã hội.

Mọi nỗ lực thực sự nhằm đẩy mạnh việc làm chậm tốc độ hay ngăn chặn biến đổi khí hậu đều cần có sự hòa quyền các nguồn lực trong nước và quốc tế, tư nhân và nhà nước, cũng như các nguồn lực được tài trợ và cho vay. Để thúc đẩy khả năng tiếp cận bình đẳng cũng như việc sử dụng có hiệu quả các dòng tài chính quốc tế, Báo cáo này chủ

trương vận động việc nâng cao vị thế cho các bên tham gia ở cấp quốc gia nhằm kết hợp các nguồn lực tài chính cho công tác khí hậu ở cấp quốc gia. Các quỹ khí hậu quốc gia có thể giúp thúc đẩy sự kết hợp và việc theo dõi các nguồn lực trong nước và quốc tế, tư nhân và nhà nước, cũng như các nguồn lực được tài trợ và cho vay. Đây là một việc làm thiết yếu giúp đảm bảo trách nhiệm giải trình trong nước và các tác động tích cực trong phân phối.

Báo cáo đề xuất nhấn mạnh vào bốn bộ công cụ cấp quốc gia nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình này:

- *Các chiến lược ít khí thải, có khả năng chống đỡ với khí hậu* — nhằm kết hợp các mục đích liên quan đến phát triển con người, bình đẳng và biến đổi khí hậu.
- *Quan hệ đối tác giữa khu vực Nhà nước và tư nhân* — đóng vai trò là chất xúc tác tạo nguồn vốn tư bản từ các doanh nghiệp và hộ gia đình.
- *Các phương tiện để xuất đầu tư cho khí hậu* — nhằm đem lại khả năng tiếp cận bình đẳng hơn với nguồn tài chính công quốc tế.
- *Các hệ thống thực hiện, theo dõi, báo cáo và xác minh phối hợp* — nhằm đem lại các kết quả lâu dài, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trước người dân cũng như các đối tác.

Cuối cùng, chúng tôi kêu gọi thực hiện Sáng kiến Tiếp cận Năng lượng Phổ thông ở cấp quốc tế - một sáng kiến đã được biết đến rộng khắp, cùng với công tác vận động và nâng cao nhận thức, hỗ trợ phát triển năng lượng sạch ở cấp quốc gia. Một sáng kiến như vậy có thể khơi mào cho những nỗ lực nhằm chuyển hướng từ thay đổi về số lượng sang thay đổi về chất lượng.

* * *

Báo cáo này làm rõ mối liên hệ giữa bền vững và bình đẳng, đồng thời cho thấy phát triển con người có thể trở nên bền vững hơn và bình đẳng hơn như thế nào. Báo cáo cũng chứng minh sự xuống cấp của môi trường có thể gây tổn thương nhiều hơn như thế nào đến những các nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương so với các nhóm khác. Chúng tôi đề xuất xây dựng và thực hiện một hệ thống chính sách có thể giúp giải quyết những sự mất cân bằng nói trên, hình thành một chiến lược giải quyết các vấn đề môi trường hiện có theo cách thức có thể thúc đẩy sự bình đẳng và phát triển con người. Chúng tôi cũng đưa ra những phương thức có tính thực tiễn nhằm thúc đẩy cùng lúc những mục đích có tính bổ sung lẫn nhau này, mở rộng sự lựa chọn của con người đồng thời bảo vệ môi trường.

Mọi nỗ lực thực sự nhằm đẩy mạnh việc làm chậm tốc độ hay ngăn chặn biến đổi khí hậu đều cần có sự hòa quyền các nguồn lực trong nước và quốc tế, tư nhân và nhà nước, cũng như các nguồn lực được tài trợ và cho vay

Bảng xếp hạng HDI năm 2011 và những thay đổi trong thứ hạng HDI từ năm 2005

Afghanistan	172			Germany	75		Lãnh thổ tự trị Palestin	114			
Albania	70	↑	1	Ghana	9		Oman	89			
Algeria	96			Hy Lạp	135	↑	1	Pakistan	145		
Andorra	32			Grenada	29			Palau	49		
Angola	148			Guatemala	67			Panama	58	↑	1
Antigua và Barbuda	60	↑	1	Guinea	131			Papua New Guinea	153	↓	−1
Argentina	45	↑	1	Guinea-Bissau	178			Paraguay	107		
Armenia	86			Guyana	176			Peru	80	↑	1
Australia	2			Haiti	117	↑	2	Philippines	112	↑	1
Áo	19			Honduras	158	↑	1	Ba Lan	39		
Azerbaijan	91			Hong Kong, Trung Quốc (SAR)	121	↓	−1	Bồ Đào Nha	41	↓	−1
Bahamas	53			Hungary	13	↑	1	Qatar	37		
Bahrain	42			Iceland	38			Romania	50		
Bangladesh	146			Ấn Độ	14	↓	−1	Liên bang Nga	66		
Barbados	47			Indonesia	134			Ru-an-đa	166		
Belarus	65			Cộng hòa Hồi giáo Iran	124	↑	1	Saint Kitts và Nevis	72		
Bỉ	18			Iraq	88	↓	−1	Saint Lucia	82		
Belize	93	↓	−1	Ireland	132			Saint Vincent and the Grenadines	85	↓	−1
Benin	167			Israel	7			Samoa	99		
Bhutan	141	↓	−1	Italy	17			Sao Tomé and Príncipe	144	↓	−1
Bolivia, (Plurinational State of)	108			Jamaica	24			Saudi Arabia	56	↑	2
Bosnia và Herzegovina	74			Nhật Bản	79	↓	−1	Senegal	155		
Botswana	118	↓	−1	Jordan	12			Serbia	59	↑	1
Brazil	84	↑	1	Kazakhstan	95	↓	−1	Seychelles	52		
Brunei Darussalam	33			Kenya	68	↑	1	Sierra Leone	180		
Bulgaria	55	↑	1	Kiribati	143	↑	1	Singapore	26		
Burkina Faso	181			Hàn Quốc	122			Slovakia	35		
Burundi	185			Kuwait	15			Slovenia	21		
Campuchia	139	↑	2	Kyrgyzstan	63	↓	−1	Solomon Islands	142		
Cameroon	150	↑	1	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	126			South Africa	123	↑	1
Canada	6			Latvia	138	↑	1	Spain	23		
Cape Verde	133			Latvia	43			Sri Lanka	97	↑	1
Cộng hòa Trung Phi	179			Lebanon	71	↓	−1	Sudan*	169		
Chad	183	↓	−1	Lesotho	160			Suriname	104		
Chile	44			Liberia	182	↑	1	Swaziland	140	↓	−2
Trung Quốc	101			Libya	64	↓	−10	Thụy Điển	10		
Colombia	87	↑	1	Liechtenstein	8			Thụy Sĩ	11		
Comoros	163			Lithuania	40	↑	1	Cộng hòa Ả Rập Xi-ri	119	↓	−1
Congo	137			Luxembourg	25			Tajikistan	127		
Cộng hòa Dân chủ Congo	187			Madagascar	151	↓	−2	Cộng hòa thống nhất Tanzania	152	↑	1
Costa Rica	69	↓	−1	Malawi	171			Thái Lan	103		
Côte d'Ivoire	170			Malaysia	61	↑	3	Macedonia - Cộng hòa Nam Tư cũ	78	↓	−2
Croatia	46	↓	−1	Maldives	109			Đông Timor	147		
Cuba	51			Mali	175			Togo	162		
Cyprus	31			Malta	36			Tonga	90		
Cộng hòa Sec	27			Mauritania	159	↓	−1	Trinidad và Tobago	62	↑	1
Đan Mạch	16			Mauritius	77			Tunisia	94	↓	−1
Djibouti	165	↓	−1	Mexico	57			Thổ Nhĩ Kỳ	92	↑	3
Dominica	81	↓	−1	Micronesia, (Federated States of)	116			Turkmenistan	102		
Dominican Republic	98	↑	2	Cộng hòa Moldova	111			Uganda	161		
Ecuador	83			Mông Cổ	110			Ucraina	76	↑	3
Egypt	113	↓	−1	Montenegro	54	↑	1	Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất	30		
El Salvador	105			Morocco	130			Vương quốc Anh	28		
Equatorial Guinea	136	↓	−1	Mozambique	184			Hoa Kỳ	4		
Eritrea	177			Myanmar	149	↑	1	Uruguay	48		
Estonia	34			Namibia	120	↑	1	Uzbekistan	115		
Ethiopia	174			Nepal	157	↓	−1	Vanuatu	125	↓	−2
Fiji	100	↓	−3	Hà Lan	3			Cộng hòa Venezuela	73		
Finland	22			New Zealand	5			Việt Nam	128		
France	78	↓	−2	Nicaragua	129			Yemen	154		
Gabon	20			Niger	186			Zambia	164	↑	1
Gambia	106			Nigeria	156	↑	1	Zimbabwe	173		
Georgia	168			Na Uy	1						

Chú thích

Các mũi tên lên xuống thể hiện sự lên - xuống tương ứng trong thứ hạng của quốc gia trong năm 2010-2011, sử dụng các số liệu và phương pháp nhất quán; không có mũi tên nghĩa là không thay đổi thứ hạng

Các chỉ số phát triển con người

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người Giá trị	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở MỨC RẤT CAO						
1 Norway	0.943	0.890	1	0.075	6	..
2 Australia	0.929	0.856	2	0.136	18	..
3 Netherlands	0.910	0.846	4	0.052	2	..
4 United States	0.910	0.771	23	0.299	47	..
5 New Zealand	0.908	..	..	0.195	32	..
6 Canada	0.908	0.829	12	0.140	20	..
7 Ireland	0.908	0.843	6	0.203	33	..
8 Liechtenstein	0.905	..	..	..	..	..
9 Germany	0.905	0.842	7	0.085	7	..
10 Sweden	0.904	0.851	3	0.049	1	..
11 Switzerland	0.903	0.840	9	0.067	4	..
12 Japan	0.901	..	..	0.123	14	..
13 Hong Kong, China (SAR)	0.898	..	..	..	..	..
14 Iceland	0.898	0.845	5	0.099	9	..
15 Korea, Republic of	0.897	0.749	28	0.111	11	..
16 Denmark	0.895	0.842	8	0.060	3	..
17 Israel	0.888	0.779	21	0.145	22	..
18 Belgium	0.886	0.819	15	0.114	12	..
19 Austria	0.885	0.820	14	0.131	16	..
20 France	0.884	0.804	16	0.106	10	..
21 Slovenia	0.884	0.837	10	0.175	28	0.000
22 Finland	0.882	0.833	11	0.075	5	..
23 Spain	0.878	0.799	17	0.117	13	..
24 Italy	0.874	0.779	22	0.124	15	..
25 Luxembourg	0.867	0.799	18	0.169	26	..
26 Singapore	0.866	..	..	0.086	8	..
27 Czech Republic	0.865	0.821	13	0.136	17	0.010
28 United Kingdom	0.863	0.791	19	0.209	34	..
29 Greece	0.861	0.756	26	0.162	24	..
30 United Arab Emirates	0.846	..	..	0.234	38	0.002
31 Cyprus	0.840	0.755	27	0.141	21	..
32 Andorra	0.838	..	..	..	..	..
33 Brunei Darussalam	0.838	..	..	..	..	..
34 Estonia	0.835	0.769	24	0.194	30	0.026
35 Slovakia	0.834	0.787	20	0.194	31	0.000
36 Malta	0.832	..	..	0.272	42	..
37 Qatar	0.831	..	..	0.549	111	..
38 Hungary	0.816	0.759	25	0.237	39	0.016
39 Poland	0.813	0.734	29	0.164	25	..
40 Lithuania	0.810	0.730	30	0.192	29	..
41 Portugal	0.809	0.726	31	0.140	19	..
42 Bahrain	0.806	..	..	0.288	44	..
43 Latvia	0.805	0.717	33	0.216	36	0.006
44 Chile	0.805	0.652	44	0.374	68	..
45 Argentina	0.797	0.641	47	0.372	67	0.011
46 Croatia	0.796	0.675	38	0.170	27	0.016
47 Barbados	0.793	..	..	0.364	65	..
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở MỨC CAO						
48 Uruguay	0.783	0.654	43	0.352	62	0.006
49 Palau	0.782	..	..	..	..	..
50 Romania	0.781	0.683	36	0.333	55	..
51 Cuba	0.776	..	..	0.337	58	..
52 Seychelles	0.773	..	..	..	..	..
53 Bahamas	0.771	0.658	41	0.332	54	..
54 Montenegro	0.771	0.718	32	..	..	0.006
55 Bulgaria	0.771	0.683	37	0.245	40	..
56 Saudi Arabia	0.770	..	..	0.646	135	..
57 Mexico	0.770	0.589	56	0.448	79	0.015
58 Panama	0.768	0.579	57	0.492	95	..

Các chỉ số phát triển con người

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người Giá trị	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	
59 Serbia	0.766	0.694	34	..	..	0.003
60 Antigua and Barbuda	0.764	..	..	..	..	..
61 Malaysia	0.761	..	..	0.286	43	..
62 Trinidad and Tobago	0.760	0.644	46	0.331	53	0.020
63 Kuwait	0.760	..	..	0.229	37	..
64 Libya	0.760	..	..	0.314	51	..
65 Belarus	0.756	0.693	35	..	..	0.000
66 Russian Federation	0.755	0.670	39	0.338	59	0.005
67 Grenada	0.748	..	..	..	..	..
68 Kazakhstan	0.745	0.656	42	0.334	56	0.002
69 Costa Rica	0.744	0.591	55	0.361	64	..
70 Albania	0.739	0.637	49	0.271	41	0.005
71 Lebanon	0.739	0.570	59	0.440	76	..
72 Saint Kitts and Nevis	0.735	..	..	..	..	..
73 Venezuela, Bolivarian Republic of	0.735	0.540	67	0.447	78	..
74 Bosnia and Herzegovina	0.733	0.649	45	..	..	0.003
75 Georgia	0.733	0.630	51	0.418	73	0.003
76 Ukraine	0.729	0.662	40	0.335	57	0.008
77 Mauritius	0.728	0.631	50	0.353	63	..
78 Former Yugoslav Republic of Macedonia	0.728	0.609	54	0.151	23	0.008
79 Jamaica	0.727	0.610	53	0.450	81	..
80 Peru	0.725	0.557	63	0.415	72	0.086
81 Dominica	0.724	..	..	..	..	..
82 Saint Lucia	0.723	..	..	..	..	..
83 Ecuador	0.720	0.535	69	0.469	85	0.009
84 Brazil	0.718	0.519	73	0.449	80	0.011
85 Saint Vincent and the Grenadines	0.717	..	..	..	..	..
86 Armenia	0.716	0.639	48	0.343	60	0.004
87 Colombia	0.710	0.479	86	0.482	91	0.022
88 Iran, Islamic Republic of	0.707	..	..	0.485	92	..
89 Oman	0.705	..	..	0.309	49	..
90 Tonga	0.704	..	..	..	..	..
91 Azerbaijan	0.700	0.620	52	0.314	50	0.021
92 Turkey	0.699	0.542	66	0.443	77	0.028
93 Belize	0.699	..	..	0.493	97	0.024
94 Tunisia	0.698	0.523	72	0.293	45	0.010
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở MỨC TRUNG BÌNH						
95 Jordan	0.698	0.565	61	0.456	83	0.008
96 Algeria	0.698	..	..	0.412	71	..
97 Sri Lanka	0.691	0.579	58	0.419	74	0.021
98 Dominican Republic	0.689	0.510	77	0.480	90	0.018
99 Samoa	0.688	..	..	..	..	..
100 Fiji	0.688	..	..	..	..	..
101 China	0.687	0.534	70	0.209	35	0.056
102 Turkmenistan	0.686	..	..	..	..	..
103 Thailand	0.682	0.537	68	0.382	69	0.006
104 Suriname	0.680	0.518	74	..	..	0.039
105 El Salvador	0.674	0.495	83	0.487	93	..
106 Gabon	0.674	0.543	65	0.509	103	0.161
107 Paraguay	0.665	0.505	78	0.476	87	0.064
108 Bolivia, Plurinational State of	0.663	0.437	87	0.476	88	0.089
109 Maldives	0.661	0.495	82	0.320	52	0.018
110 Mongolia	0.653	0.563	62	0.410	70	0.065
111 Moldova, Republic of	0.649	0.569	60	0.298	46	0.007
112 Philippines	0.644	0.516	75	0.427	75	0.064
113 Egypt	0.644	0.489	85	..	..	0.024
114 Occupied Palestinian Territory	0.641	..	..	..	..	0.005
115 Uzbekistan	0.641	0.544	64	..	..	0.008
116 Micronesia, Federated States of	0.636	0.390	94	..	..	..
117 Guyana	0.633	0.492	84	0.511	106	0.053
118 Botswana	0.633	..	..	0.507	102	..
119 Syrian Arab Republic	0.632	0.503	80	0.474	86	0.021
120 Namibia	0.625	0.353	99	0.466	84	0.187

Chỉ số phát triển con người						
Thứ hạng HDI	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng	Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều		
		Giá trị	Xếp hạng			
121 Honduras	0.625	0.427	89	0.511	105	0.159
122 Kiribati	0.624	..	..	..	..	..
123 South Africa	0.619	..	..	0.490	94	0.057
124 Indonesia	0.617	0.504	79	0.505	100	0.095
125 Vanuatu	0.617	..	..	..	..	0.129
126 Kyrgyzstan	0.615	0.526	71	0.370	66	0.019
127 Tajikistan	0.607	0.500	81	0.347	61	0.068
128 Viet Nam	0.593	0.510	76	0.305	48	0.084
129 Nicaragua	0.589	0.427	88	0.506	101	0.128
130 Morocco	0.582	0.409	90	0.510	104	0.048
131 Guatemala	0.574	0.393	92	0.542	109	0.127
132 Iraq	0.573	..	..	0.579	117	0.059
133 Cape Verde	0.568	..	..	..	..	..
134 India	0.547	0.392	93	0.617	129	0.283
135 Ghana	0.541	0.367	96	0.598	122	0.144
136 Equatorial Guinea	0.537	..	..	..	..	..
137 Congo	0.533	0.367	97	0.628	132	0.208
138 Lao People's Democratic Republic	0.524	0.405	91	0.513	107	0.267
139 Cambodia	0.523	0.380	95	0.500	99	0.251
140 Swaziland	0.522	0.338	103	0.546	110	0.184
141 Bhutan	0.522	..	..	0.495	98	0.119
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở MỨC THẤP						
142 Solomon Islands	0.510	..	..	..	..	..
143 Kenya	0.509	0.338	102	0.627	130	0.229
144 São Tomé and Príncipe	0.509	0.348	100	..	..	0.154
145 Pakistan	0.504	0.346	101	0.573	115	0.264
146 Bangladesh	0.500	0.363	98	0.550	112	0.292
147 Timor-Leste	0.495	0.332	105	..	..	0.360
148 Angola	0.486	..	..	..	..	0.452
149 Myanmar	0.483	..	..	0.492	96	0.154
150 Cameroon	0.482	0.321	107	0.639	134	0.287
151 Madagascar	0.480	0.332	104	..	..	0.357
152 Tanzania, United Republic of	0.466	0.332	106	0.590	119	0.367
153 Papua New Guinea	0.466	..	..	0.674	140	..
154 Yemen	0.462	0.312	108	0.769	146	0.283
155 Senegal	0.459	0.304	109	0.566	114	0.384
156 Nigeria	0.459	0.278	116	..	..	0.310
157 Nepal	0.458	0.301	111	0.558	113	0.350
158 Haiti	0.454	0.271	121	0.599	123	0.299
159 Mauritania	0.453	0.298	112	0.605	126	0.352
160 Lesotho	0.450	0.288	115	0.532	108	0.156
161 Uganda	0.446	0.296	113	0.577	116	0.367
162 Togo	0.435	0.289	114	0.602	124	0.284
163 Comoros	0.433	..	..	..	..	0.408
164 Zambia	0.430	0.303	110	0.627	131	0.328
165 Djibouti	0.430	0.275	118	..	..	0.139
166 Rwanda	0.429	0.276	117	0.453	82	0.426
167 Benin	0.427	0.274	119	0.634	133	0.412
168 Gambia	0.420	..	..	0.610	127	0.324
169 Sudan	0.408	..	..	0.611	128	..
170 Côte d'Ivoire	0.400	0.246	124	0.655	136	0.353
171 Malawi	0.400	0.272	120	0.594	120	0.381
172 Afghanistan	0.398	..	..	0.707	141	..
173 Zimbabwe	0.376	0.268	122	0.583	118	0.180
174 Ethiopia	0.363	0.247	123	..	..	0.562
175 Mali	0.359	..	..	0.712	143	0.558
176 Guinea-Bissau	0.353	0.207	129	..	..	..
177 Eritrea	0.349	..	..	..	..	..
178 Guinea	0.344	0.211	128	..	..	0.506
179 Central African Republic	0.343	0.204	130	0.669	138	0.512
180 Sierra Leone	0.336	0.196	131	0.662	137	0.439
181 Burkina Faso	0.331	0.215	126	0.596	121	0.536
182 Liberia	0.329	0.213	127	0.671	139	0.485

Các chỉ số phát triển con người

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người Giá trị	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	
183 Chad	0.328	0.196	132	0.735	145	0.344
184 Mozambique	0.322	0.229	125	0.602	125	0.512
185 Burundi	0.316	..	..	0.478	89	0.530
186 Niger	0.295	0.195	133	0.724	144	0.642
187 Congo, Democratic Republic of the	0.286	0.172	134	0.710	142	0.393
CÁC QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ KHÁC						
Korea, Democratic People's Rep. of	..	..	..	..	..	..
Marshall Islands	..	..	..	..	..	..
Monaco	..	..	..	..	..	..
Nauru	..	..	..	..	..	..
San Marino	..	..	..	..	..	..
Somalia	..	..	..	..	..	0.514
Tuvalu	..	..	..	..	..	..
Các nhóm HDI						
Phát triển con người ở mức rất cao	0.889	0.787	—	0.224	—	—
Phát triển con người ở mức cao	0.741	0.590	—	0.409	—	—
Phát triển con người ở mức trung bình	0.630	0.480	—	0.475	—	—
Phát triển con người ở mức thấp	0.456	0.304	—	0.606	—	—
Các khu vực						
Arab States	0.641	0.472	—	0.563	—	—
East Asia and the Pacific	0.671	0.528	—	..	—	—
Europe and Central Asia	0.751	0.655	—	0.311	—	—
Latin America and the Caribbean	0.731	0.540	—	0.445	—	—
South Asia	0.548	0.393	—	0.601	—	—
Sub-Saharan Africa	0.463	0.303	—	0.610	—	—
Các quốc gia kém phát triển nhất	0.439	0.296	—	0.594	—	—
Các đảo quốc nhỏ đang phát triển	0.640	0.458	—	..	—	—
Thế giới	0.682	0.525	—	0.492	—	—

Chú thích

Để xem các chú thích và nguồn số liệu đầy đủ cho các số liệu trong bảng này, xem Phụ lục về Số liệu trong bản Báo cáo đầy đủ. Việc xếp hạng các quốc gia dựa trên việc chia các mức chỉ số HDI thành 4 phần. Một quốc gia được xếp vào nhóm PTCN rất cao nếu HDI thuộc top 25% dẫn đầu, được xếp vào nhóm PTCN cao nếu HDI thuộc nhóm chiếm tỉ lệ phần trăm từ 51-75, nhóm PTCN trung bình nếu HDI thuộc nhóm chiếm tỉ lệ phần trăm từ 26-50, và nhóm PTCN thấp nếu HDI thuộc nhóm 25% thấp nhất. Các Báo cáo trước đây sử dụng các ngưỡng giá trị tuyệt đối chứ không phải tương đối.

Các chỉ số sử dụng số liệu của các năm khác nhau -- xem chi tiết tại các bảng số liệu liên quan ở bản Báo cáo chính, có tại trang <http://hdr.undp.org>